NĂM THỨ BA — SỐ 121 Thứ năm 18 Novembre 1948

TRI TÂN

TẠP CHÍ VĂN HÓA RA HÀNG TUẦN

Mục lục

* Một vấn-đề rất đáng chú-ý... — *Hoa-Bằng.*
* Đại Nam dật-sự (XIV) — *Ứng-Hòe*
* Tổng luận : Khoa-học là gì ? (I) — *Nguyễn-trọng-Thuyết*
* Những ông nghè triều Lê (LXVII) — *Nguyễn-văn-Tố*
* Lược khảo về gia thế « Quan Thám kéo vó » : Nguyễn đăng Cảo — *Long Điền*
* Vũ như Tô (Kịch lịch sử, I) — *Nguyễn-huy-Tưởng*
* Thiên-Y-A-Na (I) — *Dương-Kỳ*
* Truyện chúa Trịnh — *Ứng-Hòe*
* Bí-quyết của sự thành công — *Ái-Lang*
* Cháy cung Chương-võ (tiểu thuyết, IX) — *Chu-Thiên*

Tòa Báo : 95-97, Chanceaulme, Hanoi

Mỗi số **0$30** — Một năm **12$00** — 6 tháng **6$50** — 3 tháng **3$50**

Một vấn-đề rất đáng chú-ý

TRONG VĂN-HỌC VÀ SỬ-HỌC

I. — Diệu-Trang-vương phải chăng là một ông chúa Trịnh?
II. — Chúa Ba Diệu-Thiện phải chăng là một cô gái Việt-nam?
III. — Hương-sơn trong Quán-thế-âm chân-kinh phải chăng là núi Hương-tích ở Hạt Hà-đông?

HOA-BẰNG

Hồi năm 1936, một bạn văn có nói với tôi: Có lẽ bà chúa Ba Diệu-Thiện, con vua Diệu-Trang-vương, là gái thứ ba một ông chúa Trịnh đời Lê Trung-hưng. Vì người làm truyện sợ động-chạm thời-thế, nên cho các nhân-vật trong truyện đều mang tên khác cả.

Từ đó, tôi vẫn để ý đến cuốn truyện *Bà Chúa Ba*, bấy lâu vẫn lưu hành khắp nơi dân-dã, mở đầu bằng mấy câu này:

« Chân-như đạo Phật rất mầu,
Tâm trung chữ « hiếu », niệm đầu chữ « nhân ».
Hiếu là độ được song thân,
Nhân là vớt khỏi trầm luân mọi loài.
Thần thông nghìn mắt, nghìn tay,
Cùng trong một điểm linh-đài hóa ra.
Này trong bể nước Nam ta,
Phả môn có đức Phật-bà Quan-âm.
Niệm ngài thời niệm tại tâm,
Ngẫm xem sự-tích ca-ngâm cho tường.
Đời xưa vua Diệu-Trang vương,
Hưng-lâm *nước ấy bốn phương một nhà.*
Chánh-cung là đức Bá-Nha,
. . . . . .

(Trích bản cổ, của khuyết-danh)

Trước hết hãy nói về lai-lịch truyện *Bà Chúa Ba*. Nguyên nó là cuốn *Hương-sơn Quán-thế âm chân kinh*, rồi trong đám mặc-khách ta, có người dịch ra tiếng việt, rồi có chùa khắc và in ra chữ nôm. Về sau, người ta phiên sang chữ quốc-ngữ, nên nó mới mau-chóng truyền rộng.

Ngoài bản dịch có những câu dẫn trên đã được thông hành ra, còn có bản dịch khác cũng bằng chữ nôm nữa. Nhưng, theo cụ Giá-sơn Kiều-Oánh-Mậu (1), thì những bản dịch ấy đại-suốt là dựa ở *Sưu thần tục ký* mà diễn ra, lời văn có vẻ khinh suất và sơ lược. Ngay đến những chỗ cốt-tủy có trong *Chân kinh* như « tỉnh tâm, tâm ấn, v. v. » đều bị dịch giả vứt bỏ đi cả!

Đến cuối mùa thu (tức tháng 9), năm kỷ dậu (1909) đời Duy-tân, cụ Giá-sơn Kiều Oánh-Mậu đến ấp Sơn-kiều, gặp cụ Trần Xuân-Thiều đương làm đề-học ở Bắc-giang. Cụ Trần có đưa cho cụ Kiều một cuốn *Hương-sơn Chân-kinh* để nhờ dịch lại. Cụ Kiều cảm tấm lòng thành của cụ Trần, kính cẩn dịch ra quốc-văn: Bắt đầu thảo từ ngày 23 tháng 9 năm ấy (kỷ dậu, 1909), đến 16 tháng 10 thì xong. Qua ngày 18, làm xong bài tựa, sang ngày 19, viết trọn. Rồi chính tay cụ đề giòng chữ « *Hương-sơn Quán-thế-âm Chân kinh tân dịch* » 香山觀世音眞經新譯 làm nhan sách, cho khắc gỗ và in sách ấy bằng chữ nôm, cộng 48 tờ, 700 câu.

Dịch-giả có nói: «... Nhất-nhất theo *Chân kinh* mà phiên dịch ra. Toàn diện Hương-sơn dẫu chưa mô-tả được hết, nhưng về phần chân tướng của *Chân kinh*, tôi chắc không đến nỗi bị Anh-tướng là Khắc-lâm-uy-nhĩ (Cromwell) rày trách. Duy hai việc « Thiện-Tài, Long-nữ » và « Bạch tượng, Thanh sư » tôi vẫn theo thần-ký mà kể sơ qua, vì lấy cớ rằng những tôn tượng Quán-thế-âm, Văn-Thù và Phổ-Hiền mà trong chùa đã tô đều là những thứ người ta vẫn quen trông thấy thì dẫn điển-tích mà trỏ-bảo, tưởng cũng chẳng sao. Đó chính để tỏ ra rằng bè tử tế-độ hết thảy là như thế đấy, chứ không phải tôi thích nói những sự quái-đản đâu... »

***

Bây giờ xin nói đến cốt truyện *Hương-sơn Quán-thế-âm Chân kinh* mà ta quen gọi là truyện *Bà Chúa Ba*:

Vua Diệu-Trang-vương 妙莊王, người nước Hưng làm 興 [illegible], cùng

Chính-cung là Bá-Nha 伯牙, chưa có con trai, mới được hai công-chúa là Diệu-Âm 妙音 và Diệu Nguyên 妙元. Sau, cầu tự ở đền trên Tây-nhạc 西岳, Chính-cung có mang.

« Thoi đưa mười tháng chẳng bao,
Tới kỳ lại thấy yêu đào nở hoa.
Nối hàng công-chúa thứ ba,
Đặt tên Diệu Thiện 妙善; mụ cha phán truyền »

Trích bản dịch của cụ Kiều Oánh-Mậu (thêm những câu văn vần trích dưới đây đều của cùng một dịch-giả này).

Trang-vương và Vương-hậu Bá-Nha gả Diệu-Âm cho Triệu-Khôi 趙魁 và Diệu-Nguyên cho Mã-Phượng 馬鳳. Bồi tính đến cuộc nhân-duyên cho chúa Ba, vì bấy giờ « nàng » đã 16 tuổi.

Nhưng chúa Ba Diệu Thiện cứ khăng-khăng không chịu lấy chồng! vin cớ rằng:

« Công cha, ơn mẹ chưa đành,
Mà trong thế-tục nhân-tình nghiêu khê.
Nào ai phú quí vinh huê (hoa),
Trăm năm cũng một giấc mê bôi vàng!
Cho rằng con đống, chán đàn,
Cõi âm chưa dễ bồi-hoàn nhau cùng;
Cho rằng của chứa, tiền trồng,
Tội-tình chưa dễ mua lòng Diêm-vương!
Trên cao, thiện ác có gương,
Vương, hầu, khanh, tướng chưa thường lọt qua;
Thiên-đường, địa-ngục bao xa,
Thiện là công quả, ác là tội nhân.
Thân hôn, hai chị dỡ-dần,
Một mình con đã đành phần xuất gia. »

Thấy con tỉnh nguyện xuất gia đầu Phật, Trang vương đùng đùng nổi giận, đem đày chúa Ba ra vườn hoa, chỉ cho mảnh áo để che thân, lại bắt gánh nước tưới hoa, làm việc cực-nhọc.

Thương con gái phải vất vả, Vương hậu sai hai chúa chỉ ra « thuyết » Diệu Thiện để mong nàng hồi tỉnh mà nghe lời vua cha.

Nhưng chúa Ba lại lấy đạo pháp giảng-giải cho hai chị, rồi tỏ ý kiên quyết tu trì với giọng sắt đá

« Tu-hành tôi quyết chí tôi,
Dầu cha bắt tội, đã Giời rẻt công. »

Cuộc thử-thách thình-lình xảy đến: Phật Nhiên-Đăng hóa thân làm vị Thái-tử ở nước Hương chi 香芝 đến cầm-đỗ chúa Ba. Song thấy nàng chí bền, lòng thực, nên Phật Nhiên-Đăng lại chỉ-điểm thêm cho lối vào đường tu.

Sau, vua cha nghe lời Thừa-tướng, cho chúa Ba ra ở chùa Bạch-tước 白雀, thờ đời tu hành với sư nữ là Hoàng-thị Đắc-Chân 黃氏得眞. Chẳng để sư ở chùa là phường lợi dưỡng, nên chúa Ba lại phải điểm hóa cho họ tỉnh giấc mê-mảng.

Khi ở chùa, chúa Ba vui sống trong cảnh khổ-hạnh: quét chùa, gánh nước, hái rau, kiếm củi, thổi cơm, gõ mõ, thỉnh chuông, nói tóm, làm đủ mọi việc từ nơi tam quan đến chốn thập điện.

Vì lòng thành cảm-cách đến thiên-đình, chúa Ba được bách thần giúp sức trong khi hai vai phải gánh biết bao công việc nặng-nề: Rồng phun nước, Hùm bẻ củi, Chim nhặt rau, Thổ-thần quét tước, Lục-đinh thần-tướng thiêu hương, khua chuông kình, giỏng mõ cá; lại làm giúp cả những việc như đóng cửa, tiến quả, dâng trà, v. v.

Trước những phép lạ (miracles) ấy, Trang-vương nổi giận lôi-đình vì cho tăng trong giang sơn mình sao lại diễn ra những trò yêu-quái như vậy.

Vua cha lại nghe biết câu đồng-dao truyền ầm lên rằng chúa Ba có tình với Hoàng sư-trưởng ở đền Tam-thanh trong chùa Bạch-tước,

Trang-vương vô cùng tức-tối, liền sai Vương hầu tướng, đem hơn 500 quân đến vây chùa Bạch-tước, đốt lửa bốn bề, thiêu sống cả 500 tăng ni ở trong chùa ấy.

Tuy chúa Ba thoát chết chuyên đó, nhưng lại bị vua cha sai bắt về, xử bằng « tam ban triều điển » (2). Khi sắp hành-hình thì chúa được thiện-tướng là con Cọp cõng vào rừng thông. Bây giờ chúa phách lạc, hồn siêu, đi vào cõi âm, được chứng kiến những cảnh trí ở Linh-sơn 靈山 và những hình phạt ở mười điện của Diêm-vương nơi địa-phủ

Về sau, vì chịu cái quả báo của sự bạo ngược, Trang-vương mắc bịnh phong, đến nỗi hỏng cả mắt và cụt cả tay, không thuốc nào chữa khỏi

Không bỏ lỡ dịp tiện, chúa Ba hóa phép, giả làm hòa-thượng tiên có, đem chỉnh mắt và tay của mình ma luyện làm thuốc, chữa lành cho vua cha.

(*Xem tiếp trang 23*)

---

(1) Người làng Đông-sàng, huyện Tùng thiện, tỉnh Sơn tây, cụ Giá-sơn đỗ phó-bảng khoa canh-thìn, (1880) đời Tự đức (1848-1883), trước có ngồi đốc học ở Bắc-giang, sau làm báo

2) Một là gươm, hai là thuốc độc, ba là tâm lụa (toàn là những đồ để tự sát)

ĐẠI-NAM DẬT-SỰ

Số 14 *Ứng-hào* NGUYỄN-VĂN-TỐ

X. — Nên có ngày kỷ-niệm vua Tiền-Lý

Nước ta có ba bậc « anh-hùng cứu nước » đầu tiên, là đức Đổng-thiên-vương, hai bà Trưng và vua Tiền-Lý Nam-đế. Đức Đổng-thiên-vương thuộc vào thời-kỳ lộ-sử mà chuyện lại thần-kỳ, cho nên bộ *Khâm-định Việt-sử* không chép đến. Còn hai bà Trưng, thì ai là người nước Nam, tất phải biết chuyện. Đến như vua Tiền-Lý Nam-đế (Lý-Bí, hoặc Lý-Bôn, 544-548), thì sử nước ta chép riêng ra một « kỷ », tức một dòng vua, nhưng lại không có ngày quốc-tế! Đổng-thiên-vương thì có hội Gióng (tên nôm làng Phù-đổng, thuộc tỉnh Bắc-ninh, sinh-quán của đức Đổng thiên-vương); ta có câu ca-dao rằng: « Mồng tám tháng tư, không xem hội Gióng cũng hư mất đời! » Trưng-vương có hội « đền hai Bà » vào mồng năm tháng hai, là ngày kỷ-niệm chung của cả nước. Duy có vua Tiền-Lý thì chỉ có mấy làng ở cửa sông Đáy thờ làm thành-hoàng, còn chưa có ngày hội lớn để cho quốc-dân nhớ lại cái công-ơn của một vị anh-quân đã đưa đường dẫn lối cho dân ta thoát vòng lao-lung.

Sử-thần Ngô-thì-Sĩ bàn rằng: « Kể từ khi Triệu Việt-vương giữ Dạ-trạch, chống nhau với quân Tàu, đến khi vào thành Long-biên giữ nước, ngang với cuối đời nhà Lương (552-556) bên Tàu chỉ có hai người sang làm thứ-sử châu Giao là Hoằng-pháp-Câu và Lý-cảnh Thịnh. Suốt đời nhà Trần bên Tàu, thứ-sử châu Quảng hễ khuyết thì bổ người khác sang thay... Còn châu Giao thì chỉ thấy chép Nguyễn-Trác làm chiêu-úy-sứ, chứ không thấy chép ai làm thứ-sử: thế là trong đời Triệu-Việt đã tự chuyên-chế được một cõi hơn 20 năm, cũng có thể gọi là anh-hùng... Việc nước ta, từ đời Hán về sau bị nội-thuộc, dù là một chức thái-thú ở quận, hoặc một chức tù-trưởng xứ man, mà nổi lên, rồi lại bị diệt ngay, cũng thấy sử Tàu chép cả. Đến việc Lý Phật-tử và Triệu Việt-vương cầm quân giữ nước, kể đã nhiều năm (từ năm 541 đến năm 602), dấu-tích không đến nỗi nhỏ, thế mà hai quyển sử đời Lương, đời Trần đều không chép đến: thực là một điều khuyết-lược trong sử Tàu » (*Đại-Việt sử-ký*, quyển 5, tờ 7 a-8 a).

Người Tây chép sử nước Nam nói rằng: Sử nước Nam mãi đến đời Trần mới bắt đầu lâm, thì những đời trước, tất phải theo sử Tàu mà chép ra. Đời Tiền-Lý sử Tàu đã không có, thì sử-thần nước Nam lấy đâu mà chép? Vậy thì thế nào cũng có chỗ bịa-đặt, mà có một điều khiến cho nhiều người tin là bịa-đặt, là chuyện Nhã-Lang đi gửi rể và đổi móng rồng, y như truyện Trọng-Thủy với Mỵ-châu (Henri Maspero, *Etudes d'histoire d'Annam*, I, *La dynastie des Li, antérieurs*, 543-601)

Vẫn biết sử Tàu không chép rõ « đời Tiền-Lý », nhưng riêng vua Tiền-Lý sử Tàu có chép, như quyển *Tư trị thông-giám* (sách của Trường Bác-cổ, số 2076, quyển 158, tờ 11 b) nói rằng: « Ở Giao-chỉ có Lý-Bôn, đời đời là nhà hào hữu.. Nhân thứ-sử là Tiêu-Tư khắc-bạo, mất lòng nhân, Lý-Bôn khởi binh. Tiêu-Tư phải đem của lo-lót để chạy về châu Quảng. » Lại như *Lương-thư* (quyển 3, tờ 9 a): chép: « Vua nước Lâm-ấp phá Đức-châu, đánh Lý-Bôn. Bôn sai tướng võ là Phạm-Tư đánh vua Lâm-ấp ở Cửu-đức: vua Lâm-ấp thua chạy ».

Cứ như thế, là sử Tàu không công-nhận có « đời Tiền-Lý », nhưng có chép chuyện vua Tiền-Lý. Ta vẫn quen gọi là « Tiền-Lý Nam-đế », vì *Đại-Việt sử-ký* (quyển 5, tờ 1 a) chép « Tiền-Lý kỷ: Tiền Nam-đế », và *Đại-Việt sử-ký toàn-thư* (quyển 4, tờ 14 b) chép « Tiền-Lý kỷ: Tiền-Lý Nam-đế »; còn *Khâm-định Việt-sử* (quyển 4, tờ 2 b) thì chép (Lý Nam-Việt đế », vì trong lịch-sử vua Lý-Bôn có đoạn chép « tháng giêng năm Đại-đồng thứ 10 (544), Lý-Bôn xưng Nam-Việt đế » (*Khâm-định Việt-sử*, quyển 4, tờ 2 b).

Lý-Bôn là người huyện Thái-bình, phủ Long-hưng. Tiên-tổ là người Tàu, cuối đời Tây-Hán (khoảng năm 8 đến năm 24 sau Thiên-Chúa) khổ vì chiến-tranh, lánh nạn sang Nam, bảy đời đến Lý-Bôn, thành ra người Nam.

Lý-Bôn là con nhà hào-hữu, có tài văn võ (*Toàn-thư*, quyển 4, tờ 15 a, chép là thiên-tư kỳ-tài), làm quan với nhà Lương bất đắc chí về Thái-bình khởi quân. Lúc

bấy giờ thứ-sử châu Giao là Tiêu-Tư, tước Vũ-lâm-hầu, vì dữ-ác, mất lòng dân : Lý-Bôn mưu-khởi binh để đánh đuổi. Có Tinh-Thiều là người giỏi về từ-tảo, đến kinh dự tuyển để xin bổ chức quan: Lại-bộ thượng-thư nhà Lương là Thái-Tôn cho họ Tinh không phải là vọng-tộc (*Toàn-thư*, quyển 4, tờ 15 a, và *Khâm-định*, quyển 4, tờ 1 b, chép họ Tinh không có tiền-hiền), bổ làm Quảng-dương môn lang: Tinh-Thiều lấy làm xấu-hổ, về quê theo Lý-Bôn khởi nghĩa.

Lý-Bôn lúc bấy giờ coi quân Cửu-đức, nhân thế liên-kết được vài châu, hào kiệt đều hưởng ứng. Có tù-trưởng ở huyện Chu-diên là Triệu-Túc, phục tài-đức Lý-Bôn, đem quân theo trước nhất. Tiêu-Tư biết tin, đem của đút, rồi chạy về Quảng-châu (*Đại-Việt sử-ký*, quyển 5, tờ 1 b, chua là có chỗ chép Việt-châu). Lý Bôn ra giữ châu-thành Long-biên.

Đến tháng chạp năm nhâm-tuất (542), vua nhà Lương sai Lư-tử-Hùng là thứ-sử châu Tân và Tôn-Quỳnh là thứ-sử châu Cao, đem quân sang đánh. Lúc bấy giờ khí độc mùa xuân (xuân-chướng) mới dậy, Lư-tử-Hùng xin đợi đến mùa thu hãng đánh (*Toàn-thư*, quyển 4, tờ 15 b, chép: Tôn-Quỳnh cho là khí độc mùa xuân mới dậy, xin đợi đến mùa thu). Thứ-sử châu Quảng là Tân-du-hầu Tiêu-Ánh không nghe (*Toàn-thư*, quyển 4, tờ 15 b, chép là Tân-dụ hầu Tiêu-Hoán). Vũ-lâm-hầu là Tiêu-Tư lại thúc-dục: bọn Tử-Hùng bất đắc dĩ phải đi tới hợp-phố, thì quân mười phần, đã chết đến sáu, bảy, tự-nhiên vỡ mà kéo về. Tiêu Tư vu-tấu với vua nhà Lương rằng : « Tử-Hùng và Tôn-Quỳnh giao-thông với người ngoài cố dùng-dằng không tiến quân ». Hai người đều bị vua nhà Lương bắt tội chết ở Quảng châu (*Đại-Việt sử ký*, quyển 5, tờ 1 a-b).

Năm quí hợi (543) là năm thứ ba kể từ khi vua Lý Bôn giữ thành Long-biên. Tháng tư năm ấy vua nước Lâm-ấp là Luật-đa-la-bạt-ma (Rudravarman I) vào ăn cướp quận Nhật-nam (bấy giờ nhà Lương gọi là Đức-châu, xem *Lương-thư*, quyển 3, tờ 9 a). Vua Lý-Bôn sai tướng võ là Phạm-Tu đánh phá được ở Cửu đức : vua Lâm-ấp thua chạy (*Khâm-định Việt sử*, quyển 4, tờ 2 a, và *Đại-Việt sử-ký*, quyển 5, tờ 2 a).

Năm giáp-tí (544) là năm thứ nhất hiệu Thiên-đức của vua Lý-Bôn, ngang nhà Lương là năm thứ 10 hiệu Đại-đồng. Tháng giêng năm ấy, vua Lý-Bôn nhân đánh được quân Tàu, Tự xưng là Nam-Việt đế, lên ngôi, đặt niên-hiệu là Thiên-đức, gọi nước là Vạn-xuân, có ý mong xã-tắc được lâu dài đến muôn đời, dựng điện Vạn-xuân để làm nơi triều-hội (*Toàn-thư*, quyển 4, tờ 15 b, và *Sử-ký*, quyển 5, tờ 2 a, đều chép là điện Vạn-thọ), đặt trăm quan, cho Triệu-Túc làm thái-phó, Tinh-Thiều làm tướng văn và Phạm Tu làm tướng võ (*Khâm-định Việt-sử*, quyển 4, tờ 2 b và 3 a).

Cùng năm ấy vua Lương lại sai tả vệ tướng-quân là Lan-Khâm sang đánh. Lan-Khâm mới qua khỏi Ngũ lĩnh, thì bị bệnh chết (*Đại-Việt sử-ký*, quyển 5, tờ 2 a-b). Đến tháng sáu năm ất-sửu (545) là năm thứ hai hiệu Thiên-đức của vua Lý Nam Việt đế, nhà Lương cho Dương-Siêu làm thứ sử châu Giao, Trần-bá-Tiên (sau làm vua cao tổ nhà Trần) làm tư-mã, đem quân sang xâm-chiếm, sai thứ-sử châu Định là Tiêu-Bột họp nhau với Dương-Siêu ở Tây-giang (tức Định-châu). Tiêu-Bột biết tướng sĩ sợ đi xa, nhân nói dối để lưu Dương-Siêu. Siêu họp các tướng hỏi mưu kế. Bá-Tiên nói rằng: « Người Giao-châu làm phản, tội tự mấy người tôn-thất, nên mới sinh ra quấy dối vài châu, đánh dẹp mãi không yên. Quan thứ-sử Định châu muốn lần lút tạm yên là không ngó việc lớn ở trước mắt ; còn như tiết-hạ, (cũng như túc-hạ ; gọi Dương Siêu là tiết-hạ, vì lúc ấy Dương Siêu cầm cờ tiết làm thứ sử) vâng lời vua đi đánh kẻ có tội, chết sống ở trong tay : há nên dùng-dằng không tiến, để cho quân giặc lớn thêm và quân mình nản chí ư ?» Nói rồi, thúc quân đi trước. Dương-Siêu cho Bá-Tiên làm tiên-phong.

Đi đến châu Giao, vua Lý-Bôn đem ba vạn quân chống nhau ở Chu-diên, bị thua ; đến sông Tô-lịch, lại thua to ; vua chạy đến thành Gia-ninh (nguyên là đất

(*Xem tiếp trang 9*)

Dạy học thuốc và chuyên chữa nội-khoa
theo thể-thức
ĐÔNG-PHƯƠNG
chỉ có :
Thượng-Đức
15 mission Hanoi — Tél. 1629
đã được tín-nhiệm hoàn toàn

Tổng luận: Khoa-học là gì?

NGUYỄN TRỌNG THUYẾT

Vậy muốn viết khoa học bằng tiếng ta, ta phải có chữ chuyên môn. Muốn có chữ chuyên môn, muốn có Việt nam chuyên-môn ngữ, hay Việt nam khoa học ngữ, mình phải làm như thế này:

Mình sẽ tìm trong tiếng ta, trong chữ nho, trong tiếng miên, tiếng lào, tiếng pháp, tiếng nhật, tiếng hy lạp, la-mã, bất cứ tiếng nước nào; mình sẽ tìm trong tiếng mình hay trong tiếng ngoại quốc lấy những chữ cần dùng làm căn-tự rồi đem biến cải, việt hóa nó đi, để cho từng đoạn, từng câu rút lại thành một chữ. Mỗi chữ mới cấu tạo ra đó sẽ thành một chữ chuyên môn khi dùng nó trong khoa-học.

Làm như thế, đi đến đâu mà chẳng được, cần đến đâu, có chữ đến đó, mà những chữ mới tạo ra sẽ hoàn toàn là tiếng ta không khác gì những tiếng xưa kia mình mượn của Tàu, bây giờ mình mượn của Pháp mà mình đã việt-hóa nó rồi. Những tiếng như *thừng, nhặng, bít-tất; xăng, lốp, bít tết*, ai bảo không phải là tiếng ta, khi người an-nam, nhà quê kẻ chợ đều nói được cả?

Những chỗ cần phải cho khoa học ngữ của cả thế-giới được thông đồng thì ta nên lấy tiếng pháp tiếng âu giữ lại một hay hai vần cần kêu nhạt hay cần cho sự viết tắt; phỏng âm ra quốc ngữ mà dùng. Những chữ mới ấy cũng sẽ hoàn toàn là tiếng an-nam vì nó không khác tiếng an-nam một chút nào, vì viết nó ra bằng quốc-ngữ được.

Đó là phương pháp chung cho cả các khoa.

***

Còn tuỳ theo tính cách riêng của mỗi khoa, khi đặt tiếng chuyên-môn, nhất là đặt những đẳng-cấp danh-từ cho một khoa nào lại phải có những tiểu tiết riêng cho khoa ấy.

Sở dĩ trong bài *Adaptation*, tôi mới mang cái phương-pháp vừa nói tóm tắt lại đấy ứng dụng cho Hoá-học thôi, là vì Hoá-học là cái khoa phải có nhiều những tiểu tiết nhất, viết bằng tiếng ta khó thứ nhất, từ trước tới giờ chưa ai làm được, theo sự biết của tôi. Ứng dụng trong Hoá-học trước để làm tỷ-dụ cho độc giả nghiệm xem cái phương pháp đó nó có hiệu quả thế nào. Không mang ứng dụng nó cho các khoa khác, là sợ bài *Adaptation* dài quá, mà lại có vẻ là mạng nó ra thực hành rồi, trong khi tôi còn muốn trưng cầu ý kiến để rồi bàn-cãi cho người mình biết rõ là nếu không làm theo phương pháp đó thì không còn phương pháp nào nữa.

Ứng dụng cái phương pháp ấy trong hoá học là món tắt-mắt nhất về những chữ chuyên môn mà được, thì ứng dụng nó cho các khoa khác dễ như chơi. Chỉ sợ người mình lúc bấy giờ lại chê rằng nó tiện quá, nôm-na quá. Cùng một công việc, cái máy giản-dị nhất là cái máy tinh xảo nhất.

Nhưng về công việc viết khoa học bằng tiếng ta, thì không còn phương pháp nào khác được nữa mà so sánh hơn kém. Như tôi đã nói, khoa-học là khoa học, nó bắt mình phải làm cái điều cần phải làm, cái điều không tránh được, là muốn viết, muốn nói khoa-học thì phải có chữ chuyên môn, nước nào cũng vậy. Khoa học nó «cương-cường» lắm, một là mình tuân theo nó, hai là mình chịu chết, chớ nó không theo ý muốn của mình bao giờ. Khoa học nó bắt mình muốn có chữ chuyên môn thì phải làm theo phương pháp ấy. nếu mình không tuân theo, những chữ mình đẻ ra sẽ vô-dụng, nó sẽ chết không kịp thở.

Theo cái Phương pháp khoa học tôi chỉ ra đó, nếu người mình muốn, mình sẽ có một môn Việt-nam khoa học ngữ riêng rẽ hẳn ra, không giống khoa-học ngữ của nước nào, cả về Hoá học cũng vậy. Chớ không phải về Hoá học, không dựa vào tiếng pháp, hay tiếng vạn quốc, không làm được, như người ta tưởng.

Muốn riêng rẽ à? Mình sẽ định trước đi những lệ riêng của mình (conventions spéciales) để đặt tên cho các hoá-vật, dễ lắm, không khó gì cả.

Óc khoa-học (hay *Lẽ phải* cũng thế) nó bó buộc mình phải làm như vậy: những đẳng cấp danh từ trong Hoá học nhất định phải để riêng ra một mớ, đặt cho có thứ tự cơ-ngũ, liên-can thức bá. Người Pháp, người Âu đã phải làm như thế, không thể không tuân theo, thì sao mấy ông Khoa-học nhà mình lại không làm như vậy? Đã biểu Khoa học nó « cương-cường » lắm kia mà! Chỗ nào người Âu chưa theo cái mệnh-lệnh khoa học đó, thì chỗ ấy người Âu sau nầy phải sửa đổi lại.

Trên con đường Khoa học, « mình được cái may mắn đi sau người » là như thế, là đã trông thấy người ta làm rồi thì phải hiểu tại lẽ sao họ phải làm như thế, và của họ có chỗ nào đáng chê đáng trách không, để đến khi mình làm, lấm cho chu-đáo, hoàn hảo thì mới đáng gọi là, may-mắn. Đằng nầy người mình lại hình như oán thán, đổ tại cho khoa học của người ta đã tiến-đạt lắm rồi nên mình không có tiếng có chữ mà nói, mà viết! Thế trước khi người Âu có Khoa học thì người Âu có tiếng có chữ mà nói, mà viết khoa học không? Nếu không, thì phải tìm, phải xét xem rằng từ khi người ta biết khoa học, thì người ta làm thế nào cho có tiếng mà nói, có chữ mà viết chứ!

Đó, cái « may-mắn đi sau người » là thế đấy, chớ không phải như ai đã tưởng đâu!

***

Về Khoa học nhất định phải làm như vậy đã đành, về các môn khác có nên làm như thế chăng? Có nên để những đẳng-cấp danh-từ của một khoa, riêng ra một mớ, đặt cho có thứ-tự manh-mối, rõ từng hạng, từng bộ một không?

Chớ biểu người ta không làm như thế thì mình đừng làm như thế. Về khoa học thì cứ theo óc khoa học mà làm.

Mình được cái « may mắn đi sau người » thì mình phải thấy chỗ hay của người mà theo, phải thấy chỗ dở của người mà tránh.

Nếu sẵn có khoa học của người mà học, nhưng chỉ biết thâu, không biết hóa, rồi lại y nguyên thế mà nhả ra thì cái « may-mắn » kia cũng bằng thừa.

Cái gì đã dính vào khoa học, thì dầu có tạm-bợ được, cũng không nên tạm-bợ, chỉ nên làm cái nên làm thôi, cái đáng làm thôi. Thừa? bỏ! Xấu? phá đi, làm lại!

Lâu đài khoa học, Âu châu xây đắp lần lần, mỗi thế kỷ một chút, nên trong cái toàn thể của nó có nhiều chỗ chưa được hợp lý, chưa được duy nhất, tòa nọ tòa kia, mỗi cái một kiểu, coi còn lộn xộn.

Khoa học, bất cứ khoa nào, nói rốt lại cũng chỉ là một mớ tri-thức xếp cho có thứ-tự thôi. Nói một cách khác, công việc khoa-học là xếp đặt cho có thứ-tự những điều mình nhận biết, hay suy biết thôi.

Xem xét, tìm tòi, suy nghĩ cho hiểu biết để rồi xếp đặt cho có thứ-tự những điều mình hiểu biết, để dễ hiểu, dễ nhớ, ấy công việc khoa học chỉ có thế thôi.

Môn khoa học kia hoàn hảo, là khi nào sự-xếp đặt trong đó không còn có chỗ chê trách được nữa. Môn nào, trong đó xếp thế nầy cũng tàm-tạm được, mà đặt thế kia cũng tàm-tạm được, thì cái môn đó sắp chưa rà nhiều ngành nhiều môn. Mỗi ngành, mỗi môn sẽ xem xét các vật về một phương diện, về một thứ-tự. Còn môn nào, trong đó chưa thấy cái thứ-tự để mà xếp đặt thì cái môn đó hẳy còn sơ khai.

Các môn khoa học suy lý (sciences pures ou sciences logiques) nhờ lý-luận suy xét mà hiểu, thì nay đã tới một bực tấn đạt khá rồi, sự xếp đặt trong đó đã rõ-ràng minh-mạch không chối cãi

(*Xem tiếp trang 19*).

Rách lành đùm bọc

Mùa đông tháng giá tới nơi! Trong khi mà những nhà giàu có đã thừa sự ấm-áp, thì biết bao người nghèo khó không quần không áo che thân, phải dãi dầu trước những cơn mưa phùn gió bấc!

Giúp cho kẻ khó manh quần tấm áo trong lúc sợi khan vải đắt này, tức là cứu một mạng người sống qua tai đói kém thì loạn.

Hãy giúp sức cho ban Cứu-tế mùa đông có đủ 10 vạn đồng để tiến-hành công cuộc đó.

Thư từ và ngân-phiếu xin gửi cho ông Hoàng-Hữu-Huy, Ủy-viên thường-trực ban Cứu-Tế mùa đông, số 125 Boulevard Henri d'Orléans Hanoi.

BIA VĂN-MIẾU

NHỮNG ÔNG NGHÈ TRIỀU LÊ

Số 67

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Khoa canh-tuất hiệu Hồng-đức thứ 21, đời vua Lê Thánh-tông, tức năm 1490, lấy 19 ông đỗ đệ nhị giáp tiến-sĩ xuất-thân là những ông sau này:

1. — Lê-tuấn-Mậu, người xã Xuân-lôi, huyện Yên-phong, trấn Kinh-bắc (Bắc-ninh). Nguyên người xã Yên-phụ, làm con nuôi người xã Xuân-lôi. Năm Cảnh-thống thứ nhất (1498) sung chức phó sứ bộ cống sang nhà Minh. Làm quan đến Hộ-bộ thượng-thư, kiêm đô-ngự-sử (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 37 b). Bộ *Đăng khoa bị khảo* (quyển Kinh-bắc, tờ 56 a-b) chép rằng: « Sau đời Đồng-thuận (1509-1516) Mạc-đăng-Dung chuyên quyền cướp ngôi, đình-thần đi theo và phụ-họa rất nhiều. Một mình ông Lê-tuấn-Mậu nghiêm-nhiên không chịu, thường muốn đâm giết Đăng-Dung mà chưa có dịp. Một hôm, Đăng-Dung sai người ép ông vào chầu: ông giấu một con dao nhọn ở trong tay áo, và giắt một hòn đá to, đi ung-dung vào triều. Đến giữa sân, cầm hòn đá ném Đăng-Dung, trúng phải đầu, liền rút dao định lại đâm, thì bị quân thị-vệ của Đăng-Dung giết. Đến triều Lê trung-hưng, chẩn-niệm trung-thần, khen ông là giết-nghĩa, truy-phong làm thượng-đẳng phúc-thần, lập đền thờ ở lăng ông, xuân thu quốc-tế. Đời sau ngợi-khen. Tiết-nghĩa của ông rõ-rệt, người ta không theo kịp: thực là ông không phụ cái khí tốt của giời đất sinh ra, không phụ cái công giáo-dục của triều-đình và cha mẹ tổ-tôn ở dưới toàn-đài. Trăm đời về sau không ai là chẳng khen ông ».

2. — Nguyễn-thanh-Cần, người xã Chân-hộ, huyện Yên-phong, trấn Kinh-bắc. Đỗ nhị giáp năm 28 tuổi. Làm quan đến thừa tuyên-sứ (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Kinh-bắc, tờ 57 a).

3. — Đỗ-dung Kiềm, người xã Mĩ-huệ, huyện Tứ-kỳ, phủ Hạ-hồng, trấn Hải-dương. Làm quan đến đô-ngự-sử. Là anh Đỗ đình-Huấn, đỗ nhị-giáp năm 1499 (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 43 b).

4. — Nguyễn đức-Thận, người xã Tráng-liệt, huyện Đông-ngàn, trấn Kinh-bắc. Đỗ nhị giáp năm 28 tuổi. Phụng mệnh đi sứ. Làm quan đến thượng-thư (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 37 b; *Đăng khoa bị khảo*, quyển Kinh bắc, tờ 29 a).

5. — Ngô đạt-Nho, người xã Xuân-hy, huyện Kim-hoa, trấn Kinh-bắc (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 37 b). Làm quan đến tham-chính (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Kinh bắc, tờ 69b).

6. — Phạm-Tung (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 37 b, không in chữ tên, có lẽ vì quốc-húy), người xã An-lương, huyện Thanh-lâm, trấn Hải-dương. Đỗ nhị-giáp năm 30 tuổi. Làm quan đến hiến sát-sứ (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 37 b). Về sau từ tiết, vì không chịu theo nhà Mạc: được phong tiết-nghĩa (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 59 a).

7. — Trần hữu-Nho, người xã Cổ-đô, huyện Đông-sơn, trấn Thanh-hoa (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 37 a).

8. — Phạm-ngọc-Uyên, người xã Xuân-neo, huyện Tứ-kỳ, phủ Hạ-hồng, tỉnh Hải-dương (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 43 b, chép là họ Nguyễn).

9. — Nguyễn-thuận-Dung, người xã An-tiêm, huyện Đông-quan, phủ Thái-bình, trấn Sơn-nam. Đỗ nhị giáp năm 31 tuổi. Làm quan đến tri-huyện (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn-nam, tờ 2 a, chép là Nguyễn-hanh-Dung).

10. — Dương-trực-Nguyên, người xã Thượng-phúc, huyện Thượng-phúc, phủ Thường-tín, trấn Sơn nam. Năm 23 tuổi đỗ nhị-giáp tiến-sĩ. Năm nhâm-tý (1492) do chức Hàn-lâm hiệu-lý thăng hiến-sát-sứ trấn Hải-dương. Sau vì nói việc phạm lỗi, giáng xuống chức cũ. Được dự Tao-đàn nhị thập bát tú. Đầu hiệu Cảnh-thống (1498) thăng Lại khoa cấp-sự-trung, vì là người liêm-khiết, được thêm bổng, rồi thăng phủ-doãn Phụng-thiên, chưa được bao lâu thăng Binh-bộ hữu-thị-lang. Mùa xuân năm nhâm-tuất (1502) thăng Binh-bộ tả-thị-lang, coi thi điện. Mùa đông năm ấy thăng thị-lang bộ Lễ kiêm việc viện Hàn-lâm. Đầu hiệu Đoan-khánh (1505) thăng hữu-thị-lang, kiêm Chiêu-văn-quán. Mùa đông năm đinh-mão (1507) Lê Tương-dực-đế (1509-1516) từ Thanh-hoa khởi binh, tiến bức Đông-kinh, Lê Uy-mục-đế (1504-1509) sai ông làm tán-lý, cùng với phó-tướng là Lê-Vũ đem cấm-binh đi chống-cự, không được, bị chết trận ở Châu-kiều (tức Châu-cầu, Hà-nam bây giờ). Năm ấy, ông 42 tuổi. Đến

năm nhâm-thân hiệu Hồng-thuận (1512), truy tặng chức ngự-sử-đài đô-ngự-sử. Ông mất có linh thiêng, nên người ở xứ ấy lập đền thờ, sau được phong thượng-đẳng-thần. Sinh ra Dương-Hống, đỗ nhị-giáp khoa nhâm-thìn hiệu Đại-chính (1532) nhà Mạc (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn-nam, tờ 22 a-b).

11. — Nguyễn-hưng-Nhượng, người xã Sơn-lâm, huyện Tân-phong (Tiên-phong), phủ Quảng-oai, trấn Sơn-tây. Làm quan đến chức tự-khanh (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn-tây, tờ 68 a-b).

12. — Vương-Tảo, người xã Hồng-lục, huyện Trường-tân (Gia-lộc), phủ Hạ-hồng, trấn Hải-dương. Làm quan đến thượng thư, kiêm đô-ngự-sử, tước Tu-lễ-hầu (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 37 a).

13. — Bùi-đức-Thiệu, người xã Công-trấn, huyện Nghi dương, phủ Kinh-môn, trấn Hải-dương. Đỗ nhị-giáp năm 30 tuổi (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 38 a). Làm quan đến chức tự-khanh (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 86 a).

14. — Phạm-túc-Minh, người xã Cổ-dũng, huyện Yên-dũng, trấn Kinh-bắc. Đỗ nhị-giáp năm 30 tuổi (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 38 a).

15. — Nguyễn-thúc Dụ người xã Phù-lưu, huyện Đông-ngàn, trấn Kinh-bắc. Đỗ nhị-giáp năm 27 tuổi (*Đăng khoa-lục*, quyển 1, tờ 38 a).

16. — Nguyễn-hoằng-Nghị, người xã Tráng-liệt, huyện Đông-ngàn, trấn Kinh-bắc (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 38 b). Làm quan đến Quốc-tử-giám tư-nghiệp (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Kinh-bắc, tờ 29 a-b).

17. — Nghiêm-Đình Khiêm, người xã Lan-độ, huyện Đông ngàn, trấn Kinh-bắc. Đỗ nhị-giáp năm 32 tuổi. (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Kinh-bắc, tờ 29 b, chép đỗ năm 22 tuổi. Đổi sang chức võ, làm đến cấm-y vệ, độ chỉ-huy-sứ. Em họ Nghiêm-công-Phụ, đỗ tam-giáp tiến sĩ năm 1478. (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 38 b).

18. — Nguyễn-Trác, người xã Nghiêm-xá, huyện Thượng-phúc, phủ Thường-tín, trấn Sơn-nam. Làm quan đến chức tự-khanh (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn-nam, tờ 23 a). *Đăng khoa lục* (quyển 1, tờ 38 b) chép ông làm quan đến giám-sát ngự-sử.

19. — Nguyễn-di-Kiệt, người xã Y-bích, huyện Thuần-hựu (sau đổi Thuần-lộc, lại đổi Vĩnh-lộc), phủ Hà-trung trấn Thanh-hóa. Đỗ nhị-giáp năm 30 tuổi. Làm quan đến Lại-bộ tả-thị-lang (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 38 b; *Đăng khoa bị khảo*, quyển Thanh-hóa, tờ 37 a).

(*Còn nữa*)

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN TỐ

NHÀ GIÔNG RẶNG
Đỗ Ngọc-Giao
173 hàng Bông Lờ Hànoi
Mở lâu năm có tiếng là đứng đắn, và làm cẩn thận hơn hết — Công việc, làm nhanh chóng và có bảo đảm.

ĐẠI-NAM DẬT-SỰ

(*Tiếp theo trang 5*)

huyện Mê-linh đời Hán, đời Ngô chia đặt ra huyện Gia-ninh), quân nhà Lương đuổi theo vây thành (*Đại-Việt sử ký*, quyển 5, tờ 2 b).

Tháng giêng năm bính-dần (516) là năm thứ ba hiệu Thiên-đức đời Lý Nam-đế, bọn Dương-Siêu đánh được thành Gia-ninh. Vua Lý Nam-đế chạy vào trong Mường huyện Tân-xương (tức châu Phong, nay Sơn-tây). Quân nhà Lương bèn đóng đồn ở cửa sông Gia-ninh. Đến tháng tám, vua Lý Nam-đế đem hai vạn người từ trong Mường ra đóng đồn ở hồ Điền-triệt (nay ở huyện Lập-thạch), chế-tạo thuyền-bè, đầy cả mặt hồ. Quân nhà Lương sợ, dừng lại ở cửa hồ, không dám vào. Bá Tiên bảo các tướng rằng: « Quân ta đã mỏi-mệt, mà không có cứu-viện, vào chốn tâm phúc người ta, nếu đánh một trận mà không được, thì không có lý gì sống mà về! Nay nhờ được họ thua luôn, nhân tình chưa bền: chính là lúc phải đem một trăm phần mười cố sức lấy được; vô-cố đình lại thì việc hỏng mất! » Các tướng đều nhân lặng.

Đêm ấy nước sông lên to đến 7 thước, rót vào trong hồ, Bá-Tiên đem quân bản bộ theo dòng nước vào trước. Quân nhà Lương đánh trống reo mà đi. Vua Lý Nam-đế vì không phòng-bị, nên thua to lui về giữ trong động mường, chấn-chỉnh việc binh để lo toan về sau, giao đại-tướng (*Khâm định Việt-sử*, quyển 4, tờ 5 b, chép là tả-tướng-quân) là Triệu-quang-Phục giữ nước, cầm quân để chống nhau với Bá-Tiên (*Đại-Việt sử ký*, quyển 5, tờ 3 a, và *Toàn-thư*, quyển 4, tờ 16 b-17 a).

(*Còn nữa*)

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Lược khảo về gia-thế

«Quan Thám kéo vó»: Nguyễn Đăng-Cảo

LONG-ĐIỀN

TỪ xuất-bản «Tri-Tân» mới xuất bản quyển «*Quan Thám kéo vó*» của ông bạn, Tiên-Đàm Nguyễn Tường Phượng, thuộc *loại sách Thanh-niên* giống loại sách «La Jeunesse» bên Pháp, lựa chọn những sách hay có bổ-ích cho thanh-niên Nam-việt.

Cái giá trị văn-chương cuốn sách ấy thế nào, xin để các bực đại-gia học-sĩ phê bình, nay tôi chỉ xin bổ thêm một ít sử-liệu về gia thế «*quan Thám kéo vó*».

***

Họ Nguyễn-đăng. — Họ Nguyễn-đăng ở làng Hoài-bão tục gọi làng Bịu, thuộc huyện Tiên-du, tỉnh Bắc-ninh; tổ tiên sự nghiệp ra sao, chưa khảo được. Nhưng xét hiện trạng năm bính-tuất (1646) đời vua Lê Chân-Tôn, trong một nhà, hai anh em cùng đậu đại khoa, thì tất gia-thế cũng vào bực trâm-anh, mà tổ tiên cũng dày công tu-dưỡng mới đào tạo được cho con cháu một nền giáo-dục vững vàng tươi tốt như kia.

***

Nguyễn đăng Cảo *(quan Thám kéo vó)*, năm bính-tuất (1646) niên hiệu Phúc-thái thứ tư đời vua Lê Chân-Tôn 28 tuổi, đậu Thám-hoa; em là Nguyễn đang-Minh cũng đậu Tiến-sĩ. Khoa đó, không ai được đậu Trạng-nguyên, và Bảng-nhãn, duy có ông Cảo đậu Thám-hoa (1), sau ứng thi khoa Đông-các, lại đậu đầu (2).

Lúc nhỏ, thông minh rất mực, tài học hơn người, tính bộc-trực, cương-cường, nết phóng-phiếm quảng-đại, ưa thích làm những sự quái-dị.

Làng bên có con yêu hay hóa con gái ghẹo người, ông trấn áp được, nhân hỏi sự-nghiệp tương lai, con yêu nói cho biết cả. Sau thi đậu làm quan, thường khi ăn cơm hay khấn đến. Tính hiếu kỳ của ông đại suất như thế (3).

Trong khi làm quan, tính ông cương-trực không hay a-dua, không hay ủy-khúc, những bọn nhâm-nhân hay ghen ghét, nên có tài lạ mà ít được đại-dụng. Tài ông cao trội hơn người, mặc dầu bị tiểu-nhân gièm pha, Triều-đình vẫn ỷ trọng; khi có việc quân quốc đại-sự, thường phải ủy ông liệu-lý, như việc giao thiệp với nhà Thanh về sự róc bím (4).

Nguyên năm giáp-thân (1644), Thanh Thế-Tổ vào Bắc-kinh thống-nhất nước Tàu (5), phàm những lễ tục áo mũ nhà Tống nhà Minh đều bỏ đi hết cả, bắt người Tàu mặc áo ngắn, cắt tóc róc bím như người Mãn-châu (6).

Tương truyền vua nhà Thanh sai sứ sang bắt dân ta cũng theo phục sức như họ (7). Triều-đình lấy làm lo, mới ủy ông (Nguyễn đăng Cảo), lên ải Nam-quan đón sứ và ứng tiếp. Ông làm bài «*Giải chư hầu hoạc*» (8), mà người Thanh phải phục, không dám bắt theo tục họ. Ngoài sự ứng đối thường lệ như câu đối đã có nói trong quyển «*Quan Thám kéo vó*», ông lại vì người Thanh viết thuộc lòng cả sách *Đại học* đúng như bản in, người Thanh lấy làm lạ, khâm phục vô cùng (9).

Ông lại am-hiểu tướng-pháp (10), thấy cháu ruột con ông em, có tướng lạ, rất yêu quí, ở nhà hay bế trên lòng, có khách cũng mặc. Lại thường vỗ vào lưng cháu, nói với khách rằng: «Đình thần ghét ta, không cho ta đậu Trạng-nguyên, chứ thằng nhỏ này, không cho đậu cũng không được». Quả sau, người cháu đậu Trạng, tức là Trạng Bịu.

Ông yêu quí người cháu quá, ở nhà thì thế, mà đi đâu cũng mang theo, thậm chí, khi đi lên Nam-quan, đón tiếp sứ Thanh, ông cũng bắt đi theo mặc dầu cháu còn thơ ấu, mà đường đất xa-khơi, rừng thiêng nước độc, lội suối trèo dèo (11).

Ông làm quan đến chức Thái bảo, tước quận công mới về trí sĩ.

Về ông Nguyễn đang Cảo, sách Tang Thương ngẫu lục (tập dưới tờ 44 b-46 a) có chép đoạn sau đây:

Ông là người làng Hoài-bão, huyện Tiên-du (Bắc-ninh) tính phóng đật, ngạo nghễ, không giữ gìn, ngoài thịt chó và rượu ra không thích gì cả.

Ngày điện thí đáng lẽ đỗ đầu, nhưng bị triều đình đến đi, đánh xuống thứ ba (Thám-hoa).

Ở trong triều, ông thường hay nói thẳng, không kiêng nể gì, nên bị truất giáng luôn.

Gặp khi sứ Tàu sang sách phong, đến trạm Xương-giang dừng lại không chịu tiến kinh lại viết một chữ « kiền » (乾) lớn vào miếng gấm gửi đến cho Thế-tử (con chúa Trịnh), cả triều đình không ai hiểu nghĩa là gì phải xuống chỉ vời ông Nguyễn-đăng-Cảo vào.

Ông thưa : « Câu đố nhỏ mọn có gì đáng bận lòng nhà vua phải lo ! » rồi sai lấy bút mực, ông viết một nét sổ (|) mà đáp lại sứ Tàu.

Sứ mới chịu theo người của triều đình cùng đến. Nhà vua hỏi ông về cớ ấy. Ông tâu : « tượng quẻ kiền là ba nét ngang liền (三) được thêm một nét sổ (|) thì thành chữ « vương » (王) đó thôi ! »

Ông lại được sung Chánh sứ về kỳ tuế-cống. Khi qua một cái quán, mái ngói cột gỗ tô vẽ rực rỡ, người bạn đi tiễn ông có yêu sách ông đề cho mấy chữ. Ông viết hai chữ trùng (虫) nhị (二) (có người đọc là *trùng* thì không đúng vì trong bản in chỉ vạch hai nét chứ không có *nhàng liền* làm như nhắc lại chữ trùng ở trên). Người Tàu vặn hỏi ông, ông cười đáp : « Đó là *phong nguyệt vô biên* (風月無邊) (nghĩa đen là hai chữ *phong nguyệt* không có bên ngoài) Người Tàu lấy làm kinh phục.

Việc tuế-cống xong, ông xin cáo nhàn lui về làng. Rồi lưng đeo bầu, đầu đội nón, tay chống gậy, chân đi dép, qua lại nơi đá mát, suối trong, man-mác phởn phơ, có khi quên về.

Một lần, nương bóng trăng, ông lên đến núi Lạn-Kha ; lúc ấy đã hết trống canh một, bốn bề vắng vẻ không ai, bỗng thấy một đạo-sĩ nằm trên chiếc thừng nhỏ buộc vào hai cây gậy cắm ở núi, ngủ ngáy ồ ồ, ông lấy làm lạ liền quỳ xuống để đợi.

Độ một trống canh, đạo sĩ ngồi dậy nói : « Chú là ông Thám Hoài bảo đó phải không ? » Ông khấu đầu thưa vâng và xin bỏ hết việc đời đi theo chân-nhân.

Đạo-sĩ bấm tay tính một lượt, nói : « Chú có số nhưng không có mệnh, thôi đừng làm khổ mình rồi lại luống công ! » Ông cố xin đi theo.

Đạo-sĩ lại hỏi :

— Thịt chó là một trong ba thứ đánh chén và năm thứ hôi, thế có chừa được không ?

— Được.

Đạo-sĩ liền cuốn giây, bó gậy sai ông vác đi theo, rồi trèo núi, vượt sông, khác hẳn quang cảnh, thời cũ.

Trưa đến, tới một cái chợ, thịt chó trong hàng thơm phức, lửa thêm bốc lên không sao nhịn được, ông xin cho an một bữa no nê rồi chừa. Đạo-sĩ ưng cho, rồi cầm đỡ giây gậy bảo ông đi vào.

Khi ông đã thoả thuê an xong, trở ra, Đạo-sĩ nói : « Ta là Trần đồ Nam đây ! Chú có số nhưng không có mệnh. Thôi đừng làm khổ mình rồi lại luống công ». Nói rồi trao cho ông một bài thuốc về ngưu-khoa.

Rồi vụt một cái đạo-sĩ đã biến mất. Ông trông ra, nhận kỹ là mình đang đứng ở chợ Cầu-lim làng Nội-duệ cách núi Lạn-Kha độ dặm đường ông đứng hồi lâu bâng khuâng như đã đánh mất vật gì.

(*Xem tiếp trang 20*)

Thống-chế Pétain đã nói :

« Các người hãy bỏ hết lòng oán-hận, vì oán-hận không sáng-tạo nổi điều gì. Có vui vẻ và thân-ái nhau mới kiến thiết được việc này việc khác ».

---

1) Đại Nam đăng khoa lục.

2) Đại Nam đăng khoa lục — Khâm định Việt sử *quyển 15, 31, 32 đời Lê, có đặt ra 3 khoa thi đặc-biệt để lọc chọn nhân tài — 1·* Khoa Minh Kinh : *các quân nhân các lộ, và những người ẩn-dật ở Sơn lâm, ai thông kinh-sử, khéo văn-nghệ đều được ứng-thi — 2·* Khoa Hoành-Từ, *sau đổi ra* Khoa sỹ-vọng *chỉ những cống sĩ có tài vọng mới được dự-thi 3* Khoa Đông Các. *Các quan đương triều từ tứ phẩm dở xuống mới được dự-thi. người đậu đầu bổ chức Đông các đại học sỹ, người đậu thứ 2, Đông-các học sỹ, người đậu thứ 3, Đông các hiệu thư.*

3) Công dư tiệp ký.

4) Công dư tiệp-ký.

5) Từ-nguyên — *Thế giới đại sử biểu.*

6) Khâm định Việt sử *quyển 34*

7) Công dư tiệp ký — *theo sách Công dư tiệp ký nhà Thanh có chuyện thư bắt dân ta theo họ róc bím, mặc áo ngắn xong xét chính sử như Khâm Định Việt sử quyển 33, đời Lê Huyền Tôn năm qui mão (1663) tháng 8 Triều đình bắt phân biệt người Thanh sang ở nhờ bên nước ta. Lại năm bính tý (1696) đời vua Lê Hi Tôn lại nghiêm sức người Tàu sang ngụ bên ta, phải ăn mặc tuân theo quốc tục. Vậy chưa rõ thực hư ra sao sẽ tham khảo.*

8) Công dư tiệp ký. *Bài « Giải chư hầu hoặc » chưa khảo được nguyên văn.*

9) Công dư tiệp ký.

10) Công dư tiệp ký.

11) Công dư tiệp ký.

Vũ nữ Tô

Số 1

NGUYỄN-HUY-TƯỞNG

Kịch ba hồi

Nhân-vật

Tương-Dực vua nhà Lê niên hiệu Hồng-thuận 24 tuổi
Nguyên-quận-công Trịnh-duy-Sản 60 tuổi
Lê An, công-bộ thượng-thư 50 tuổi
Lê-trung-Mại, nội-giám 45 tuổi
Vũ-như-Tô 40 tuổi
Hoàng-hậu 20 tuổi
Đan-Thiềm, cung nữ 37 tuổi
Kim-Phượng, ái-phi của vua Tương-Dực 18 tuổi
Nguyễn-Ba, Phạm-Ất } thợ
Cung-nữ. — Thị-nữ. — Nội-giám — Thợ xây đài. — Quân sĩ — Một viên tướng.

Kịch xảy ra năm 1515 1516 tại kinh-thành Thăng-long

Hồi thứ nhất

Một cung cấm của vua Lê.

Cảnh I

Lê-tương-Dực — Kim-Phượng — Cung-nữ (ăn mặc diêm-dúa) Nội giám.

KIM-PHƯỢNG

Tâu hoàng-thượng, có việc chi mà mặt rồng hớn-hở? Việc bang-giao với Trung-quốc đã xong-xuôi? Hay việc khai-thác đất Chiêm-thành được hoàn-hảo? Hay trong các sĩ-tử nam nay, Ngài đã chọn được nhiều tay tuấn kiệt? Hay...

LÊ-TƯƠNG DỰC

Có phải đâu? Những công việc ấy, trẫm phó mặc triều-đình. Việc của trẫm là cùng các khanh hoan-lạc. Nội-giám bay! Đem rượu mau trẫm uống. Trẫm vui đây là về việc Cửu-trùng đài

CẢ BỌN CUNG NỮ

Cửu-trùng-đài!

LÊ-TƯƠNG-DỰC

Cửu-trùng-đài và điện xây tram nóc. Mộng của trẫm sắp thành. Trời quá yêu cho trẫm một người thợ giỏi. Suốt một năm trời tìm kiếm, cũng không uổng công-lao.

KIM-PHƯỢNG

Tâu hoàng-thượng, đó là ai?

LÊ-TƯƠNG-DỰC

Vũ-như-Tô

BỌN CUNG-NỮ

Vũ-như-Tô!

LÊ-TƯƠNG DỰC

Bấy lâu nay, bao nhiêu thợ trong nội, bao nhiêu thợ chốn kinh kỳ, bao nhiêu thợ địa-phương tiến-dẫn, trẫm đều không vừa ý. Rặt là phường tiểu-sảo, không ai có quy-mô to tát. Trẫm đã xuống chiếu cầu người tài. Nhiều quan đề bạt Vũ-như-Tô. Trẫm cũng biết tiếng Vũ là một kẻ siêu phàm. Nhưng hắn ngu-si, hoặc là làm cao, còn đem vợ con đi trốn. Nay hắn bị đóng cũi giải về, rõ tự mình chuốc khổ, chứ có làm chi nên tội?

KIM-PHƯỢNG

Thực là giống ngu-si. Một đứa thợ quèn, chết già ở hang cùng ngõ hẻm, đã dễ đặt chân vào chốn miếu-đường! Mấy kẻ đã được quân-vương biết tới? Hay là già đời lao-lực, người đời khinh rẻ như bèo. Vũ thực là giống ngu-si.

LÊ-TƯƠNG DỰC

Các khanh đừng vội chê ngay. Về đường thổ-mộc, Vũ là một tài trác-việt.

BỌN-CUNG-NỮ

Một tài trác-việt!

LÊ TƯƠNG-DỰC

Một tài trời. Vũ là một người thợ có hoa tay tuyệt thế. Trạm trổ, nặn đúc, xây dựng không kém đường gì. Lại có tài đào muôn kiểu hồ vẽ những vườn hoa lộng lẫy như Bồng-Lai. Vũ còn là một tay hội họa khác thường: Chỉ một vẩy bút là chim hoa đã hiện trên mảnh lụa, thần tình biến hóa như cảnh hóa-công. Còn cái lời tính toán thì không lời nào tả hết. Vũ sai khiến gạch đá như ông tướng cầm quân, có thể xây những lâu-đài cao cả tòa nóc vờn mây, mà không hề tính sai một viên gạch nhỏ. Các khanh cho thế là ngạc nhiên sao? Cửu-trùng-đài tới nay không ai dựng nổi, rồi đây Vũ sẽ xây nhanh chóng như đài nhất dạ, huy hoàng tráng lệ như đài Cô-tô. Trẫm sẽ cùng các khanh vui sướng, mặc cả sự đời. Các khanh tính sao?

KIM PHƯỢNG

Thực là diễm phúc cho chị em thần-thiếp, trời mới xui cho thánh-thượng gặp người tài. Xin chúc thánh hoàng vạn-tuế, để chị em thần-thiếp được hưởng ơn trời (cũng quỳ cả xuống)

Nội-giám mang rượu ra, quỳ xuống rót rượu, dâng lên. Tương-Dực cầm chén nốc một hơi).

Chả rượu có nồng nhưng cũng không vui bằng lòng trẫm. Các *khanh! Trẫm cho phép mỗi khanh* uống một chén rượu chia vui (Tương-Dực tự rót một chén rượu. Nội-giám rót rượu đi từng cung-nữ).

BỌN CUNG-NỮ

Xin đa-tạ thánh-ân (họ cùng quỳ lĩnh chén rượu. Vua tôi cùng uống. Má hồng đỏ ửng càng thêm lả lơi).

LÊ-TƯƠNG DỰC

Nội giám, cho lui, (Nội-giám lạy đi ra). Hỡi các ái khanh, rượu xuông nhạt nhẽo, trẫm muốn mua vui chốc lát.

KIM-PHƯỢNG

Xin tuân-lệnh thánh-hoàng (chỉ một lát bọn cung-nữ người phách, người sênh, người trống, người mõ, người đàn, người thì cầm những giải lụa, mỗi giải một màu, phấp-phới như bươm-bướm).

LÊ-TƯƠNG-DỰC (uống một chén rượu).

Các khanh buổi nay tươi đẹp bội phần. Cuộc vui tất phải bội phần khoái-hoạt. Nhạc-nhã tấu lên để vũ-nữ nhảy điệu nghê-thường. Trẫm muốn theo Minh-hoàng đưa hồn vào cõi mộng. Ước gì trẫm cùng các khanh sống mãi tuổi thanh xuân.

(Bọn cung-nữ sắp tấu nhạc thì Đan-Thiềm vào).

Cảnh II

Những người trước. Thêm Đan Thiềm.

ĐAN-THIỀM quỳ xuống

Tâu Hoàng-thượng!.. (vua cau mặt và các cung nữ nguýt khinh-bỉ)

LÊ-TƯƠNG-DỰC

Đan-Thiềm. Có việc chi, mi vào đề loạn cuộc vui? Đây là lần thứ mấy?

ĐAN-THIỀM

Tâu Hoàng-thượng, thần-thiếp có bao giờ dám vượt phận hèn? Nguyên quan thượng-thư công-bộ xin vào bệ kiến tâu về việc Vũ-như-Tô...

LÊ-TƯƠNG-DỰC

Ừa! Vũ-như-Tô đã giải về kinh rồi sao? Trẫm sẽ ban thưởng cho những kẻ thừa hành. Cho quan công-bộ vào (nói với bọn cung-nữ) các khanh hãy nghỉ tay một lúc. (Đan-Thiềm ra, bọn cung-nữ đứng cả sau lưng vua).

Lê-An vào

Cảnh III

VUA — CUNG-NỮ — LÊ-AN

LÊ AN quỳ xuống.

Thánh-hoàng vạn-tuế!

Lê tương-Dực thân đỡ dậy, cho phép người đứng dậy.

Lê-An đứng dậy, sợ sệt.

Tâu Hoàng-thượng, Vũ-như-Tô đã giải về kinh.

LÊ-TƯƠNG DỰC vui vẻ.

Mau dẫn hắn vào đây. Trẫm đang mong đợi.

Lê-An ngập ngừng

Nhưng muôn tâu Hoàng-thượng, Vũ...

LÊ-TƯƠNG-DỰC

Sao?

LÊ AN

...là một kẻ quê mùa...

LÊ-TƯƠNG-DỰC

Không sao.

LÊ AN

Vũ còn là một tên vô lễ, khinh mạn đại thần, khinh-mạn triều đình.

LÊ-TƯƠNG-DỰC

Là một tên thợ quèn nó dám ngang-ngược như vậy sao?

LÊ AN

Tâu Hoàng-thượng, hắn còn khinh-mạn cả...

LÊ TƯƠNG DỰC

Ai? Khinh mạn cả trẫm?

LÊ-AN

Hoàng-thượng...

LÊ-TƯƠNG DỰC

Trẫm? Quân vô lễ! Nó không sợ chết hay sao?

LÊ AN

Chính hắn không sợ chết nên mới dám buông những nhời bất kính, thần không dám nói ra đây.

LÊ TƯƠNG DỰC

Nó thấy trẫm cần đến mà ngông cuồng sao? Đem nó ra chính pháp

BỌN-CUNG NỮ

Tâu hoàng thượng! Nhưng còn cửu trùng-đài?

LÊ TƯƠNG DỰC mơ mộng

Cửu-trùng-đài!

LÊ-AN

Cửu-trùng-đài! Tâu-Hoàng-thượng, hắn khai trước mặt hạ thần là đành chết chứ không chịu làm.

VUA VÀ CUNG NỮ kinh ngạc

Không chịu làm?

LÊ-AN

Thần đã dùng trăm phương bách kế, dỗ-dành, dọa nạt nhưng hắn vẫn chấp nê. Hắn còn nói...

LÊ-TƯƠNG-DỰC

Nó nói sao? cho người cứ thực tâu bầy.

LÊ AN

Tâu hoàng-thượng, hắn nói, nếu là đời vua Hồng Đức hắn không ngại gì, trổ hết tài-năng xây một tòa cung điện nguy-nga, Trung-quốc cũng không sánh kịp. Còn Hoàng thượng, hắn dám kêu là, muôn lậy Hoàng thượng, là hôn quân, là bạo-chúa, xin Hoàng-thượng tha chết cho kẻ hạ-thần (mồ hôi rã ra người run bắn lên), vì thế nên hắn nhất-định không giúp hoàng-thượng xây đài.

(Còn nữa)

NGUYỄN-HUY-TƯỞNG

Du ký

THIÊN-Y-A-NA

Mãn-khánh DƯƠNG-KỲ

NGÀY mồng tám tháng bảy ta vừa rồi, tất cả Huế, không sót giai-cấp nào : thượng trung hạ lưu, đều lũ-lượt lên hầu ở điện Hòn-chén là điện thờ nữ-thần Thiên-Y-A-Na (người Chàm lại gọi là Pô-Ino-Nogar).

Một buổi chiều vàng vô cùng diễm lệ. Ánh sáng huy-hoàng tràn trề trên sườn rặng núi ở phương Tây, rồi tưng-bừng chảy xuống sông Hương đang nhẹ nhàng uốn mình giữa hai bờ cây rậm lục. Trên trời vô-cùng cao, trôi những đám mây vàng, đỏ, xen vào có từng vệt mây gợn sóng màu hồng-phớt, xanh-xanh, tím-tím tựa hồ những nét bút bồi-hồi mà nhà nghệ-sỹ Thiên-nhiên, trong lúc cao hứng, để lâu e mất bớt vẻ đẹp, vội-vã phết lên lụa mà ghi những cảm-giác mong-manh...

Núi Hòn-chén, tròn-trặn, cân-cái, giống một chiếc chén khổng-lồ làm bằng muôn nghìn ngành cây lá ngọn, úp bên bờ sông Hương. Điện thờ thì chẳng có gì lạ, cũng giống như các chùa miếu Việt-nam khác, xây trên một bực-cấp rộng đục ngay trong hòng núi đá, quay mặt ra sông.

Cảnh-trí thực vô cùng đẹp, nhưng chỉ tiếc người ta nô nức kéo nhau lên đây không phải vì cảnh.

Chúng tôi đến điện thì « thiện nam », « tín nữ », sau khi cúng-quảy, nhảy vọt chán-chê, đã rước nữ-thần lên Đình làng Hải-cát là làng sở tại, để rồi sáng mai lại rước về đây mà nhảy múa. Đòi chiếc thuyền theo không kịp đám rước đang còn lềnh-bềnh dưới sông. Bạn tôi bảo :

— Thì chúng ta cũng lên làng, thử xem có những gì vậy.

Ánh trăng đã thay ánh sáng mặt trời từ khi nào. Rừng thông hồi-hộp dưới gió đêm mơn-trớn. Thiên-hạ lũ-lượt..., làm cho chúng tôi tưởng-tượng đến một dân-tộc biết thưởng thức cảnh đẹp thiên-nhiên, đi dạo trên con đường trồng thông, dưới ánh trăng tươi, bên giòng nước bạc... Những tiếng kèn mọi, tiếng hét của các « bóng Cô » « bóng Cậu » giữa giòng và tiếng trống thì-thùng bên kia sông trong đình làng, đã lôi chúng tôi về với thực-tại. Sông Hương chật-ních những đò, và những lâu-bằng, kết hoa, treo đèn, cờ, bề-bộn. Bằng nào cũng có hương-án trên hương-án chung-bày vô-số đồ mã : nào đò, nào lầu ; trước hương-án, các xác đồng nghiêng-ngửa uốn-éo.

Tại bằng nầy, đậu cạnh bờ lau, một em gái nhỏ, ước chừng sáu, bảy tuổi đương say-sưa lên-đồng dưới sự chăm-sóc của bà mẹ. Thực không có gì não lòng bằng thấy em bé ấy, đáng lẽ bây-giờ đã được người mẹ thân-yêu, ẵm đi ngủ để ngày mai ngoan-ngoãn dậy học bài, đang uốn vặn thân-thể bé tí hon, rồi cũng cho « phép », cũng nói giọng líu-lo, mặt đỏ, cặp mắt lờ-đờ :

Tại bằng nọ, một bà đang nhảy một mình với mấy anh cung-văn ê-a hát, trong lúc ở các bằng khác các bà chen chúc xòe áo mớ ba, uốn lưng mềm-mại. Tại sao thế ? Người ta thì-thầm bảo nhau rằng bà ấy có bộ cánh gấm sang quá, các bà kia ngắm đến áo-quần trang sức của mình thấy tồi xa nên đã bỏ bằng ấy mà đi nhảy chỗ khác. Ừ, trong lúc vải bô đắt-đỏ nầy làm sao mà sánh kịp bà kia, lên đó làm chi cho nhục. Chiến-tranh thực đã có lắm ảnh-hưởng tai-hại. Nhưng bà nọ, tuy không có bạn, cũng đã quay đầu, bóng đã nhập : Bóng Bà ? bóng Cô ? hay bóng Cậu ? Không biết cho rõ, nhưng chỉ nhận thấy thần nào đó quá vô-ý, cứ để tay áo phủ lên cái đồng-hồ tay nhỏ có nạm hột xoàn, bắt buộc bà thỉnh-thoảng phải xắn lên để khoe cái đồng-hồ bé tí hon đẹp-đẽ ấy.

Chung quanh các bằng, đò của người đi coi bu lại đông nghịt. Kể ra thì cũng đáng xem thực, đẹp hơn khiêu-vũ của các bạn tân tiến nhiều. Trong ánh đèn, những mặt thiếu phụ hồng-hào, lộng-lẫy dưới vành khăn vàng ; những thân-hình uốn-éo chán rồi lại nũng-nịu tẻ trên tay các anh cung-văn vội-vàng sung-sướng. Nhảy xong một bài, người ta lại thay bộ áo đẹp khác, thoa thêm phấn, liếc mắt soi vào gương, rồi lại nhảy, theo điệu chầu-văn buồn-buồn phồ vào nhịp đàn tê-tái :

« ... Ư... ự... ừ... Bà cứu... ư... ự... ừ... Bà cứu hộ quần-sanh !... »

Muốn đưa được chúng tôi qua phấu bên kia sông, hai anh lái đò đã trổ tất cả tài khôn khéo.

Đình rộng. Ba gian đèn sáng trưng. Chiếu đã trải sẵn. Tha hồ mà lạy, mà đập đầu xuống chiếu, mà xuýt-xoa :

— Nam mô Phật ! A di đà Phật !

Ngạc-nhiên bạn tôi buột mồm hỏi :

— Sao lại Phật ! Người ta bảo thờ bà Thiên-Y-A-Na kia mà ! Bà Thiên-Y ấy thế nào mà được sùng-bái một cách lạ-lùng như thế ?

Thưa bạn, chuyện bà ấy như sau này :

***

Nữ-thần nầy ta mượn của Chiêm-thành. Nhưng đến sự-tích nữ-thần thì ta với người Chàm kể không giống nhau.

Người An-nam kể : — Theo một cái bia (bi-văn do Cụ Phan-thanh-Giản soạn, dựng vào năm Tự-Đức thứ 9) hiện còn tại Đền Pô-Nagar (Nha-trang) và bài chầu-văn (tác giả là Cụ Nguyễn-văn-Trình) hiện đồ thờ tại đền ấy, thì bà Thiên-Y-A-Na xuất-hiện một cách lạ-lùng tại làng Đại-an, tỉnh Khánh-hòa.

Đời xưa, ở làng ấy, có hai ông mụ tiều già không con, trồng một vườn dưa tại gốc núi. Thấy dưa hay bị mất trộm.

Tiều ông đêm lén rình coi,
Hình như bóng nguyệt bồi-hồi áng mây.
Người đâu bỗng xuống chốn nầy
Phàm đành bậc nhất, tác tầy hai mươi.
Ôm hoa đương dỡn đương cười... (1)

Trước cảnh ngây-thơ đẹp đẽ ấy, Tiều-ông chẳng những không giận Thiếu-nữ hái trộm dưa, mà còn dủ lòng thương, đem về làm con nuôi. Nhưng Thiếu-nữ vốn là tiên, lòng vẫn chưa nguôi tâm-thần cảnh-cũ. Một hôm mưa dầm, nước lũ... Nỗi nhớ cảnh tiên lại càng trĩu trịu bên lòng, bèn lấy hoa cùng đá xây thành tiên-cảnh. Nhưng Tiều-ông, đâu có thấu nỗi lòng tiên-nữ, thấy vậy nổi cơn thịnh-nộ la mắng nàng. Nàng buồn-bực. Bỗng đâu theo giòng nước lụt trôi đến một cây trầm to. Nàng liền biến nhập vào trầm, rồi trôi qua biển Bắc, giạt vào bờ. Nhân-dân trong nước thấy vậy xúm nhau lại khiêng, nhưng nặng quá cất không nổi. Thái-tử trong nước nghe tin ấy liền đến xem :

Xuống xe vừa bá tay vào,
Cội kỳ cất nổi ngó sao nhẹ nhàng.
Người phi-thường, bảu phi-thường,
Trời kia đã định dễ nhường cho ai.
Rước về đặt chốn các đài...

Thái tử còn trẻ, đương kén vợ. Một hôm ngài đến thăm cây trầm thì thấy :

Bóng trăng nhấp-nháy, làn mây chập chờn.
Hương trời, sắc nước nào hơn,
Bỗng đâu qua mất như cơn giấc hòe.
Hương thừa thấp thoáng còn nghe
Trong khi gặp-gỡ ai dè sắc không.
Hôm sau gió mát trăng trong,
Nhìn cây lại thấy tiên-dung ra vào.

Sự gặp gỡ kỳ-dị ấy xảy ra mấy lần. Một hôm, thừa lúc đêm khuya vắng người, Thái-tử một mình đến rình, lại thấy tiên-nữ từ trong cây trầm hiện hình ra. Thái-tử ôm lại, hỏi duyên do. Không độn kịp tiên-nữ phải đem sự thực ra thưa. Thái-tử mừng-rỡ tâu lên Vua cha. Vua lấy làm lạ sai bói thử thì :

Khi nên Trời cũng khéo chiều,
Bói ra quẻ tốt, ứng vào duyên hay.
Truyền cho sắm lễ soạn ngày,
Cầu xâu Ô Thước duyên vầy phụng-loan.
Sắc cầm réo rắt tiếng đàn,
Trước sân mừng thấy quế lan sánh tày...

Thế là sinh ra được hai con : con gái tên Quý, con trai tên Trí. Tình-duyên đầm-ấm như thế, nhưng một ngày kia nhớ đến cảnh cũ, tiên-nữ đem hai con cùng biến nhập vào cây trầm rồi trôi về lại Khánh-hòa, tìm vườn dưa cũ. Vườn dưa chẳng còn ; hai ông bà Tiều đã mất. Tiên-nữ nhớ ơn lập đền thờ. Thuở ấy, dân vùng Khánh-hòa còn ngu-phác, tiên-nữ đem lòng thương dạy phương sinh ly bảo dưỡng lễ-nghi. Trong rừng lại làm voi nhiều cọp, tiên-nữ vì dân trừ các ác-thú ấy. Rồi, sau khi lên non tạc tượng để lại dưới trần nầy, tiên-nữ cỡi loan bay thẳng.

(*Xem tiếp trang 21*)

1) Đoạn nầy, cũng như các đoạn thơ trên sau dưới-tám khác trong bài nầy đều trích trong bản chầu văn nói trên kia, hiện để thờ tại đền Pô-Nagar (do bạn Thanh-Trưu ở Nha-trang sai người biên hộ, xin cảm ơn bạn). Vì chép tay, e không khỏi sai với nguyên-văn : nếu có, mong tác giả chỉ giáo cho.

Phòng thuốc
CHỮA PHỔI
chuyên môn về bệnh Phổi
15 hàng Bè (Radeau)
Hanoi — Tél. 1630
Giờ mở cửa :
Sáng từ 8 đến 12 giờ
Chiều từ 2 rưỡi đến 7 giờ
Chủ nhật nghỉ buổi chiều
Đặc biệt : *Thứ ba, thứ sáu xem mạch, cho đơn không lấy tiền.*
Ở xa mua thuốc gửi lĩnh hóa giao ngân. Và muốn hỏi bệnh gì, đính theo tem 0$06, sẽ được trả lời ngay.

TRUYỆN CHÚA TRỊNH

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Ông Phan-Trần Chúc mới ra một quyển sách về lịch-sử đề là *Thế kỷ XVIII, Tĩnh Đô-vương (và thời Lê-Mạt)*, do nhà Mai-lĩnh xuất bản, in được 115 trang 12×18.

Ngay trang đầu đã có chỗ nhầm, là chỗ ông nói « Đồng-thời với Nhật-bản, trong khoảng mấy thế-kỷ XVI, XVII và XVIII, nước Việt-Nam đã thực-hiện một chế-độ chính trị mà người ta không thấy ở một nước thứ ba nào nữa trên thế-giới, chế-độ,chúng ta không thể gọi bằng một tên nào khác là « vua Lê chúa Trịnh ». Thế là nhầm: chính nước Pháp về đời trung-cổ cũng có chế-độ ấy ; dưới vua có một chức cung-trưởng (maire du palais), thường cầm quyền tất cả các việc trong nước ; chế-độ ấy nãi đến năm 751 mới hết.

Trang 24, ông Phan-Trần Chúc nói : « Vì Trịnh Giang bị truất bỏ, Trịnh Doanh mới lấy tính cách là con thứ và đã giữ chức Tiết-chế lên thay ». Xem bộ *Khâm-định Việt-sử* không thấy chỗ nào chép Trịnh Giang (1729-1740) « bị truất », mà lại còn được tôn làm Thái-thượng-vương, và Trịnh Doanh cũng không phải là « con thứ » : chính là em ruột Trịnh Giang và con thứ Trịnh Cương (1709-1729).

Trịnh Doanh (1740-1767) là người tinh-anh quả quyết, có tài văn võ, mở phủ nhiếp-chính, nhân tình tin theo đã lâu. Hoàng công-Phụ là hoạn-quan của Trịnh Giang, đem lòng ghét, giảm bớt quyền của Trịnh Doanh ; cho nên Trịnh Doanh làm việc gì cũng không dám chuyên-quyền.

Trịnh thái-phi họ Vũ với bồi-tụng hữu-ty-giảng là Nguyễn-quí-Kỉnh, bảo khuyên Trịnh Doanh lên ngôi chúa thay Trịnh Giang để dẹp nội-loạn. Bấy giờ Nguyễn-quí Kỉnh đang có tang ở nhà (chữ nho gọi là đinh-gian), ngầm tuyển hượng-binh, dự làm quân bản-bộ, nhân lúc thong-thả nói với Trịnh Doanh. Trịnh Doanh khóc gạt đi Quí-Kỉnh đem chuyện ấy nói với bồi-tụng là Nguyễn-công-Thái. Thân thần là Trịnh-Trạch, Vũ-tất-Thận và Nguyễn-đình-Hoàn cùng tán-thành việc ấy.

Nguyên trước Nguyễn-Tuyển khởi loạn ở phía đông nam Bắc-kỳ, tin báo đến nơi : đảng của Công-Phụ là Thực-quận-công trước đã đem quân đóng đồn ở Thanh-lâm để dẹp nhưng không được. Công Phụ cho là Nguyễn-Tuyển khi bình-nhật ở chỗ môn-vụ, muốn thân-hành đến để phủ-dụ, định lập kỳ công để hiếp triều-đình. Quí-Kỉnh nhân đó cố sức khuyên cho Công-Phụ, để ở nhà mưu việc lập Trịnh Doanh.

Công-Phụ bèn đem quân bản-bộ qua đò sang sông : trong thành trống-không. Bọn Quí-Kỉnh chia hượng-binh làm quân bảo-vệ, định ngày mở ấn (khai bửu), họp trăm quan tôn Trịnh Doanh nối ngôi chúa (vương). Doanh từ-chối, không dám nhận. Quý-Kỉnh sợ việc để chậm sinh biến, đem việc tâu vua Lê. Vua Lê sai người dụ hai ba lần : Doanh mới không từ-chối nữa.

Đêm ấy (ngày tháng giêng năm 1740) Quí-Kỉnh cùng với công-thái Trương Khuông vào hầu : hộp ấn chưa mở, nhân mật-ước với tỵ-lễ-giám là Tào thái-hầu, hẹn sớm hôm sau, lấy ý-chỉ của vua Lê đóng ấn vào sắc ; đến sáng sớm Trịnh Doanh vào phủ chúa. Trịnh có lũ Quí-Kỉnh và Trương-Khuông theo hộ vệ, duy có tướng-sĩ đội quân Tứ-nghiêm, Tứ-kinh và thần quân đều đeo gươm vác súng. Được một lúc Tào-thái-hầu đem sắc-dụ đến. Công-thái truyền rằng : « Có sắc ». Trịnh Doanh quì để nhận sắc. Nội-giám là Phan-lai-hầu ở bên cạnh hét lên : Trương-Khuông kéo ra chém giám vào ngục.

Công-Thái lại khuyên Trịnh Doanh lên ngôi chúa. Trịnh Doanh do-dự chưa quyết. Trương-Khuông và Đinh-Hoàn kéo lên thượng-tọa, bọn Quí-Kỉnh đứng xúm hầu hai bên. Nội-giám là Giáp-Nguyễn-Khoa lên lầu nổi hiệu trống, tuyên triệu trăm quan. Các hoạn-quan giữ ở cung Thường-trì (ở xã Hoàng-mai, tức là cung của Trịnh Giang), nghe có biến, đem quân lại. Quí-Kỉnh đem hượng-binh ra đánh, giết hết.

Trăm quan cùng đèm nhau lạy mừng Trịnh Doanh. Doanh đã nối ngôi, tôn Trịnh Giang là Thái-thượng-vương, sai tụng-quan tuyên dụ ở phủ đường (dịch trong *Khâm-định Việt-sử*, quyển 38, tờ 17a-18b).

Xem như thế thì không có chỗ nào quốc-sử nói là Trịnh Giang

« bị truất ». Nguyên lúc ấy Trịnh Giang bị bệnh ở riêng một nơi, cho nên các quan phải tôn Trịnh Doanh lên cho có chủ, nhưng vẫn còn phải tôn Trịnh Giang làm Thái-thượng-vương cũng như các vua nhà Trần truyền ngôi cho con, xưng là Thái-thượng-hoàng. Nếu bị truất, thì phải giáng, như Trịnh Khải (1782-1786) khi làm Đoan-nam-vương giáng Trịnh Cán (1782) làm Cung-quốc công, không cho xưng là Điện-đô-vương nữa : thế mới gọi là bị truất.

Còn nhiều chỗ ông Phan-Trần Chủ chép nhầm, kể hết cả ra đây, không có lợi gì mấy. Tôi định kỳ sau lấy sử chữ nho thuật lại truyện Tĩnh-đô vương Trịnh Sâm (1767-1782) để độc-giả so sánh.

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

Sách mới

TRIẾT-HỌC

DESCARTES

của Nguyễn-đình-Thi

Một học thuyết đã mở đường cho tư tưởng triết học và khoa-học cận đại.

Sách 300 trang, khổ rộng bìa mỹ-thuật.

Giá 4$50

NHÀ XUẤT BẢN TÂN-VIỆT
29, Lambtat — Hanoi

TRI-TÂN tăng giá

kể từ 1er Janvier 1944

Cùng các bạn đọc thân yêu,

Tri Tân tạp chí ra đời đã được ba năm. Trên con đường tự vạch dù gặp nhiều nỗi khó khăn chúng tôi bao giờ cũng cố gắng mong cho tờ báo được ngày thêm tiến để khỏi phụ lòng tin cậy của các bạn đọc thân yêu trong 5 xứ.

Noi theo con đường sử học và văn học, chúng tôi nhiều khi đã lấy làm cảm kích trước những lời khuyến khích của các bạn quá yêu đã ban cho.

Đồng nhân Tri Tân chúng tôi đã cố gắng chịu hy sinh mọi sự thiệt thòi, để đáp lại mối thịnh tình của các bạn xa gần.

Song sự hy sinh của chúng tôi dầu không bờ bến nhưng mực tiền tài của chúng tôi không phải là kho vô tận. Trước giá giấy tăng lên tới 4, 500 phần trăm, và các vật liệu để in báo cũng đều theo mực độ mà đắt một cách vô ngần, chúng tôi bất đắc dĩ phải xin phép các bạn đọc nhấc giá báo lên để cho Tri Tân chúng tôi đỡ thiệt thòi.

Vậy kể từ **1er Janvier 1944** giá báo sẽ là :

Mỗi số	**0$40**
Một năm	**18.00**
Sáu tháng	**9.50**
Ba tháng	**5.00**

Tuy vậy, đối với các bạn đọc cũ và mới, chúng tôi xin kính tặng một giá đặc biệt.

Bạn nào vẫn lưu tâm ủng hộ cho tờ Tri-Tân mà trả tiền **trước ngày 31 Décembre 1943** xin tính theo giá cũ là :

Một năm	**12$00**
Sáu tháng	**6.50**
Ba tháng	**3.50**

Xin các bạn đọc chiếu tình cho sự khó khăn hiện thời mà lượng cho sự tăng giá đó. Tri-Tân chúng tôi xin cảm tạ.

TRI-TÂN

Bí quyết của sự Thành công

ÁI-LANG

BẠN! Hôm nay bạn hãng bái lăn mình vào cuộc đời. Và phấn đấu là lẽ sống của tuổi trẻ. Phải lắm! Trong than đen, bùn lầm, Ai cấm lòng trai mộng tới những ngày mai sán-lạn huy hoàng. Giữa lúc dạ thế nhân hoang mang, mắt thế nhân mù lóa, cao không thấy gì hơn danh lợi, rộng không thấy gì ngoài bản thân, Ai cấm hồn trai say-sưa cùng tin-tưởng mới mà chen vai nhau, sát cánh nhau, nắm chắc tay nhau, vững vàng tiến gấp trên đường xa, chưa chắc đã là xa.

Tôi muốn nói nhiều cùng bạn. Ngày xưa, tuổi trẻ rất ít lời, âu cũng là một cái hại. Nếu mỗi người là một thế-giới âm-thầm bí hiểm để súc-tích nghị lực cho riêng mình, thì nghị lực chưa thấy đâu nhưng mối đồng tâm thì quyết là không có.

Ngày nay, thế giới văn minh đã biết dùng vô tuyến điện để trao đổi tư-tưởng từ xứ nọ đến xứ kia, thì cớ chi hồn chúng ta, lại không rộng mở cho nhau để có dịp bản ngã thoát ra ngoài bản ngã, và tư-tưởng cao lại hòa-hợp với tư tưởng cao. ?

Rộng mở hồn ta, hẳn bạn sẽ thấy cũng như tôi một nỗi niềm băn-khoăn thắc mắc. Băn khoăn vì đâu ? Thắc mắc vì đâu ? Thời Xuân thu, ai biết đâu hướng gió ! Ta không kịp giả lời ! Mỗi người một tay, nhưng có lẽ cũng mỗi người một hướng. Có cần chi sự khác hướng đó, nếu bất cứ đường nào cũng đi tới La-mã. Nếu lớp ta, dưới lá cờ tiền tiến, đều làm tròn sứ mệnh lịch sử của ta. Không những ở đây hay ở đó mà ở cả khắp mọi nơi, Không những lúc này hay lúc khác mà là *vĩnh viễn tiến mãi với thời gian.* Hiểu rõ địa vị mình trong hệ-thống xã-hội, nhắm chắc con đường đi chân chính của thế hệ mình, nhanh nhẹn nhưng không vội-vàng, suy nghĩ nhưng đừng vẩn vơ, thảo luận nhưng chớ cãi vã, quyết đoán nhưng chớ dùng-dằng.

Ngấy lắm rồi, những câu chuyện bàn xuông, lý thuyết chắc chắn như định-thức Đại số-học, nhưng thực hành tuyệt nhiên không có căn-cứ điểm để lên đường !

Có người chẻ rau muống để ăn ghém : Chẻ làm hai, làm bốn, làm tám, làm mười sáu, chẻ mãi... Hỏi : « Chẻ làm gì ? » Rằng « Chẻ cho đẹp mắt. » Một bệnh quỷ tộc nực cười, Một cử chỉ thông thường của bọn « ngụy trí thức ».

Có một lớp thanh-niên Việt-nam ta gỏi đọc sách lắm ? Nhất là sách triết lý. Và đọc nhiều hơn hết là vào lúc này.

Tôi trích một lời rất xác-đáng của Nghiêm-Tử (*Triết-học là gì ?* chương VII, trang 169) :

« Đó là những kẻ đi trốn đời sống. Họ nghĩ ít hơn ai hết tuy rằng đầu óc họ nặng trĩu những tư-tưởng mượn của người khác !

« Lủng túng trong cái lưới tư-tưởng mượn ấy, họ không nhận rõ chân tướng của sự vật nữa. Họ coi xã-hội như một tấn tuồng, loài người là những con số; không bao giờ họ cảm thấy những nỗi thống khổ mênh-mang của bao nhiêu người đang chiến đấu để tìm lối sống. Vì trí óc họ bế tắc, nên lòng dạ họ khô-khan và chân tay họ tê liệt. Có thể gọi đó là những nạn nhân của tư-tưởng, của triết-học. »

Bạn ! Chúng ta rất đồng ý với Nghiêm-Tử ở chỗ đó. Viết quyển *Triết-học là gì*, tác-giả đã kết tinh được ý nghĩ và nguyện vọng của một lớp thanh niên trung lưu đang muốn tiến mà luôn luôn chạm phải những mở lý thuyết viển vông trừu-tượng khô khan. Khá tiếc tác giả không thể nói nhiều được hơn nữa để biểu lộ được nết ý nghĩ và nguyện vọng của những lớp rộng-rãi hơn.

Dầu sao, ấy cũng là một viên gạch để xây cầu thành công. Cầu thành công bắc nơi nguy hiểm không khác cầu Trường và của Gia-cát Lượng bắc qua sông Hắc-thủy ở đất Vân-nam. Cầu không có chân, nhưng ý người đã thực-hiện được một kỳ công vững chãi. Sông Hắc-thủy cự nộ réo, gầm, xoáy, cuốn. Cầu đã dựng rồi, vì không thiếu thợ khéo biết toán théo những người kỹ-sư khéo.

« Có lý-thuyết mới có thể thực hành. ». Vang, nhưng lý-thuyết là chỉ nếu không là kết tinh của những kinh-nghiệm thực hành. Nếu ai bắt phải chọn lấy một đường, thì tôi, và có lẽ cả bạn nữa, chúng ta vẫn ưng đường thực hành hơn.

Bạn sẽ hỏi tôi : Đâu là bí quyết của sự thành công ?

Tôi giở lịch-sử Pháp, nhằm ngay trang có câu bất hủ của Danton :

« Mạnh bạo đi ! Mạnh bạo luôn Mạnh bạo nữa... và nước Pháp

thoát nạn ». Tôi bâng-khuâng nhớ tới thời 1792, thời ngày biến nhất của lịch-sử Pháp cận-đại. Và tự hỏi: tại sao người Pháp đã thành công?

Một cho tất cả! Tất cả cho sự chiến thắng! Phải chăng thời ấy, dân Pháp đã làm như vậy? Và phải chăng đó là bí quyết duy nhất của tất cả các sự thành công!

Bạn! Trên đường đời, ta hãy cố kinh nghiệm đi. Đừng sợ kinh-nghiệm. Người thuyết khách làm tướng 6 nước thời Chiến quốc, bị đánh đau nhừ xương, áo quần rách tả-tơi, bò lê về nhà, lè lưỡi ra hỏi vợ: « Lưỡi ta còn không? » Vợ rằng: « Còn! »

Thuyết khách đắc chí: « Còn, thì ta chưa lo gì cả? »

Chúng ta ngày nay cũng nên lạc quan như vậy. Danh vọng, tiền tài, tình cảm, bạn bè, tất cả ta có thể mất hết! *Thiên sinh ngã tài tất hữu dụng Thiên kim tán tận hoàn phục lai!*

Ta chưa mất gì cả! Ta chưa lo gì cả! Vì sức sống ta còn!

Sức sống của lớp thanh niên chúng ta! Của lớp thanh-niên quen bùn than, quen sương nắng, lòng rộng rãi và chí kiêu cường!

Có cái gì cản nổi sức sống ấy?

ÁI-LANG

學醫來時

Muốn nghiên-cứu khoa thuốc Đông, nên mua ngay:

Sách thuốc Việt-Nam. .	3$50
Tính các vị thuốc. .	3 00
Khoa thuốc xứ nóng.. .	2 00
Khoa chữa phổi . . .	1 00
Khoa chữa mắt. . . .	1 00
Khoa chữa trẻ con. . .	0 80
Ngoại khoa.	1 00
Sinh lý học.	1 00

cước quyển lớn 0$69, nhỏ 0$30.

Hỏi: *M. Nguyễn-xuân-Dương Lạc long 22 Tientsin Hanoi.*

Khoa-học là gì?

(Tiếp theo trang 7)

được rồi. Tấn đạt như thế là vì cái thứ-tự kia cũng nhờ sự suy xét mà ra. Còn các môn khoa học nhận xét (sciences d'observation) hiện giờ còn nhiều môn lôi-thôi lắm. Lôi-thôi là tại vạn vật trong vũ trụ nhiều và lộn xộn. Mình nhờ ngũ quan mà biết chúng. Nên thoạt kỳ thủy mình chỉ biết chúng một cách sơ-sài, nông cạn, lộn-xộn, không thể xếp chúng cho có thứ tự được mà chưa có khoa học vậy. Khi mình bắt đầu nhận thấy trong cái toàn thể của chúng đã có thể phân biệt hạng thứ được thì mình bắt đầu xếp đặt chúng được mà mới có khoa học. Sau vì sự học hỏi, xem xét kỹ-càng, mình thấy rằng sự xếp theo cái toàn thể bề ngoài còn chưa được tinh-vi, còn có chỗ lộn-xộn thì mình lại phải tìm cách xếp lại. Bấy giờ thấy không thể xét cái toàn thể, đủ các phương-diện, của vạn vật mà xếp đặt cho có thứ-tự được. Phải đứng về từng phương-diện một mà xét vạn vật thì mới thấy rõ cái thứ-tự của chúng được. Đứng theo mỗi một phương-diện mà xét, tức là đã gây ra một môn khoa học riêng. Nếu cái phương-diện nào chưa đúng lý, chưa có thể dùng để xếp đặt hết cả các vật cho có thứ tự hẳn-hoi thì cái môn ấy chưa thành khoa.

Mình hiểu biết vạn vật, nghĩa là khi mình nhận ra cái thứ tự của chúng theo về một phương diện gì.

Cái thứ-tự ấy mình cho là chặt-chẽ, hợp lý rồi, khi nó lên tiếp nhau không đứt khúc, khi tri mình thấy điều thứ nhất giảng điều thứ nhì điều thứ nhì giảng điều thứ ba, v. v. Nói một cách khác, khi ấy mình biểu rằng điều thứ nhất là *nhân* của điều thứ nhì, điều thứ nhì là *nhân* của điều thứ ba, v. v. hay ngược lại, điều thứ ba là *quả* của điều thứ nhì, điều thứ nhì là *quả* của điều thứ nhất.

Sự thiệt, cái mà mình gọi là hiểu (ce qu'on appelle comprendre) chỉ là cái xếp đặt thứ tự mà mình cho là hợp lẽ theo-tri mình đó thôi, chớ sự hiểu biết thiệt, sự hiểu biết cho tới cái nguồn gốc của cái nguồn gốc, cái nhân của cái Nhân hay cái quả của cái Quả thì không bao giờ mình biết được, vì ông Tạo không cho mình biết.

(Còn nữa)

NGUYỄN-TRỌNG THUYẾT

ĐÃ CÓ BÁN:

Khảo-cứu về Tiếng Việt-Nam

của Trà-Ngân giá 2$50

Các bạn mỗi người đều nên có một cuốn Khảo cứu về tiếng Việt-Nam, để các bạn nói cho đúng, viết cho đúng tiếng nước nhà. — Các bạn còn biết cách làm các lối thơ, phú, từ, khúc, và còn được thưởng-thức những áng văn kiệt-tác trong văn-học-giới Việt-Nam.

Công-chúa tóc vàng

Tức Hoa-Mai số 32

của Phan-Như giá 0$20

THÁM-HIỂM GÒ KHÚC-RỒNG

Tức Hoa-Mai số 33

của Nguyễn Phú Đốc giá 0$10

Nhà xuất bản Công-lực

N° 9, Rue Takou Hanoi

Quan Thám kéo vó »

(*Tiếp theo trang 11*)

Nguyễn đăng Minh — Em ruột ông Nguyễn đăng Cảo, cùng đậu với anh một khoa, năm ấy mới 20 tuổi trúng Tam giáp đồng Tiến sĩ (1), sau làm đến chức Tế-Tửu mới về trí-sĩ.

Tính ông thuần nhã, hiền lành, dễ-dãi, không bao giờ nói những lời thô bỉ độc ác, thờ anh rất cẩn trọng, điều gì cũng phải theo, không bao giờ trái ý. Đến như việc ông anh đem con trai còn nhỏ đi đón tiếp sứ Thanh tận ải Nam-quan, đường xa muôn dặm lại nước độc rừng thiêng, lòng cha thương con viết bao mà cũng không dám trái ý anh thì đủ rõ ông thờ anh dễ-thuận là nhường nào. Kể trên đời đã mấy nhà có được gia-phong như thế.

Ông đối với anh thì vậy, đến đối với con cũng rất nhân từ lễ nhượng. Ông có con trai đậu Trạng nguyên không hề cậy là cha mà coi thường.

Đi đâu, ông Trạng gặp ông, vái lạy, ông tránh sang bên, đáp: « Không dám, không dám ». Có khi gặp xe lọng ông Trạng dọc đường, ông lại tránh xa. Thảng hoặc có việc đến nhà ông Trạng, ông cũng sai lính bảo trước rồi mới vào, chứ không đường-đột. Có người hỏi cớ sao ông giữ lễ quá vậy. Ông đáp: « Ông Trạng tài khôi-nguyên, giỏi cho thác sinh vào cửa ta, chả phải kính sao ?»

Ông ăn mặc rất thường, lại hay đi đất, ít khi dùng xe võng, nên ít người biết ông là quan đương triều. Có người nhầm xâm phạm đến ông, ông cũng bỏ qua, không để ý tới.

Có một hôm, ông ở Triều về, đi đến phố Cửa-nam qua một hàng thịt. Người hàng thịt thấy ông, tưởng lầm là anh xã-trưởng nợ tiền đã lâu, chạy ra nắm lấy. Ông nói rõ ; nhưng anh hàng thịt không nghe, cứ bắt trói ông ở cửa hàng. Một chốc có quan Đô-ngự-sử Nhữ Đình-Hiền, là bạn của thân phụ ông, đi xe ở Triều về qua, thấy thế, vội xuống hỏi. Ông nói đầu đuôi, quan Ngự-sử hiền cho bắt ngay anh hàng thịt, và mời ông lên xe về nhà. Đến nơi, mời ông ngồi tạm để vào nhà trong thay áo. Ông liền lại cởi trói cho anh hàng thịt bảo trốn ngay đi ; rồi ông cũng đi nốt. Kịp khi quan Ngự-sử ra, đều không thấy ông và anh hàng thịt, sai người theo mời và bắt lại, đều không kịp, đành chỉ phàn-nàn.

Ấy đức-độ của ông như vậy.

Ông làm quan đến chức Quốc-tử-giám Tế-tửu mới về trí-sĩ.

Hai con ông là Nguyễn đăng-Tuân, và Nguyễn đăng-Đạo, đều hiển đạt.

Nguyễn đăng-Tuân. — Là con cả ông Nguyễn đăng-Minh, 35 tuổi đậu Tiến-sỹ khoa quý sửu (1673) niên hiệu Dương-Đức thứ 2 đời vua Lê-gia-Tôn, làm quan đến Phụng Thiên Phủ doãn (2).

Nguyễn đăng-Đạo. — Là con thứ ông Nguyễn đăng Minh, 33 tuổi đậu Trạng-nguyên khoa quí-hợi niên-hiệu Chính-hòa thứ 4 đời vua Lê Hy-Tôn, sau lại đậu khoa sĩ vọng (3). Năm đinh-sửu (1697), niên hiệu Chính-hòa thứ 18, làm chánh sứ sang Tàu, dâng cống phẩm và tâu việc biên giới ở Tuyên, Hưng (4) vì ngày tháng 5 năm mậu-thìn (1688) niên hiệu Chính-hòa thứ 9, bọn thổ-ty tỉnh Vân-nam sang xâm chiếm ba châu : châu Vị-xuyên, châu Bảo-lạc ở tỉnh Tuyên-quang, và châu Thủy-vĩ tỉnh Hưng-hóa (5). Làm quan đến Lại-bộ thượng thư, hai lần làm Đô ngự-sử thọ 69 tuổi. Lúc mất, Triều-đình tặng tước quận công. (6)

Nguyễn đăng Dư. — Là cháu ông Nguyễn đăng Đạo vì tiên tổ đều làm tôi nhà Lê, nên khi Tây-sơn lấy Thăng-long, ông nhất định không chịu ra thú và làm quan, chỉ ở nhà an bần lạc đạo và dạy con cháu học, thường ngâm bài thơ sau đây để thuật chí mình :

Nhược trúng Tây sơn giáp
Ninh vi Hoài-bão đinh
Ngô gia thế thế đăng khoa giáp
Hợp tác đông nguyên tiết-nghĩa sinh.

Thật là một người có khí-tiết (7).

LONG-ĐIỀN

1) Đại Nam đăng khoa lục. *Xưa nhà Lê, lệ thi hội phân ra thứ hạng có 3 bảng :*

Đã có bán :

CÔ THÚY

Giải thưởng văn-chương Tự-Lực Văn-Đoàn năm 1935 của Ng.-khắc-Mẫn Giá 3$20

HỒN QUÊ

của Ng.-khắc-Mẫn Giá 4$50

Sách in lần thứ nhất dày hơn 400 trang — Bìa bằng giấy Vóc Phượng Hoàng do họa-sĩ Bình trình bày

Đà Chúa rừng mai trắng

Truyện Giải Trí của Việt-Tinh Giá 1$30

Nhà xuất bản SÁNG

46 Quai Clémenceau, Hanoi

1· Đệ nhất giáp Tiến sĩ cập đệ, đệ nhất danh là Trạng nguyên.

Đệ nhất giáp Tiến sĩ cập đệ, đệ nhị danh là Bảng nhãn.

Đệ nhất giáp Tiến-sĩ cập đệ, đệ tam danh là Thám-hoa.

2· Đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân, những vị đậu đều gọi là Hoàng giáp

3· Đệ Tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân những vị đậu đều gọi là Tiến sĩ hay ông Nghè.

Đến mãi nhà Nguyễn, đời Minh-Mệnh thứ 7 khoa bính-tuất (1862), mới lập thêm một bảng dưới bực Đồng Tiến sĩ, để cho những bị thi hỏi không được chánh trúng-cách gọi là Phó-bảng.

Trong đời Lê thi hương có hai hạng : hương cống và sinh-đồ. Đến Triều Nguyễn, khoa ất dậu (1825) Minh-Mệnh thứ 6, mới cải Hương-cống là Cử nhân, sinh-đồ là tú-tài.

(Khảo cổ thế, để nhắc các nhà làm tiểu thuyết lịch-sử dùng những danh từ cho hợp với thời-đại).

13) Khâm định Việt sử

14) Đại Nam đăng khoa lục — (xem lên số 2.)

15) Khâm định Việt sử.

16) Khâm định Việt sử

17) Coi bài « ông Trạng Bịu » của Tiên-Đàm đã diễn thuyết và đã đăng ở nguyệt san hội Tri-tri — số 3, 4 tháng Juillet Décembre 1937 trang 269

18) Theo Đại-Nam dư-địa chí — quyển 4-5, sách Trường Bác cổ số A 74.

Muốn làm giàu mua ve số

Đông Pháp

1p·00 một vé

THIÊN-Y-A-NA

(*Tiếp theo trang 15*)

Từ khi mất vợ Thái tử buồn-khổ không nguôi, sai thuyền đi tìm. Khánh-hòa, lính của Thái-tử cướp bóc nhân-dân sở-tại và phạm đến tượng của bà (2). Bỗng, sóng to gió cả : thuyền chìm, ở cửa biển nổi lên một hòn đá có khắc thứ chữ « khoa-đẩu », không ai hiểu nghĩ là gì. Rồi từ đấy, linh-ứng hiển-hách lạ-lùng được nhân-dân đặc-biệt sùng-bái.

Phương-đình mừng đội ơn sâu,
Chẳng nhau xây tháp dựng lầu ngay-ngay.

Giữa xây một tháp thờ Bà,
Kia bên hữu có một tòa thờ Ông.

Đài bên bốn tháp cùng đồng,
Thờ Cô, thờ Cậu, thờ ông mụ Tiêu.

Trước nay bia đá còn phiêu,
Chữ xưa khoa-đẩu khôn điều giải xây.

Bia kỳ mà cảnh cũng kỳ,
Trái cây ăn đặng, đem đi thì đừng

. . . . . .

Tôn thần chẳng những người ta,
Thượng cầm hạ thú cũng là đua nhau.

Cọp hàm dầu cũng cúi đầu,
Cá trừng dưới nước voi chầu trên bờ...

Người xưa gọi là « Thiên-Y-A-Na Diễn Bà Chúa Ngọc Thánh Phi », đến triều Nguyễn lại được phong làm « Hồng Nhơn Phổ Tế Linh Ứng Thượng Đẳng Thần ». Đến nay đền thờ rải-rác ở các miền trung và nam Trung-kỳ. Nhân dân sùng bái, cầu lên đồng để xin chữa bệnh trừ ma.

Sự tính kể trên thì thực là hoang-đường. Chính cụ Phan Lương-khê cũng phải than : Y, dị tại ! » (Ôi ! lạ thay !), trong đoạn chót bi văn. Nếu con Trời thì xuống trần làm gì ? Lúc đầu, được nuôi đến hòn núi, thì tưởng cũng ở đó trọn đời. Vô cố lại bỏ vượn bạc, lướt ba đào, từ nam qua bắc, gấp-gáp đi đâu vậy ? Khi lấy được Thái-tử, duyên may đương nồng, ân-tình bỗng cắt. Bỏ nghĩa trăm năm lại về chốn cũ, để mãi sau nầy mới nương mây cuối gió mà hiển oai thần-tướng sao lại làm gì vậy ? Từng ấy cử-chỉ kỳ-quặc trách nào cụ Phan Lương-khê không bảo : « Khi đi, lúc ở, tuy đến quỷ thần mà cũng không được tự-chủ sao ? Đó lại là một điều kỳ trong điều kỳ vậy » (Hành chỉ oai gian, thánh thần diệc bất năng tự chủ da ? Thử hựu kỳ chi kỳ dã).

(*Còn nữa*)

Mãn-Khánh DƯƠNG KỲ

2) Việc Đền Pô-Nagar bị quân địch tàn-phá và tàu địch-chìm, theo cái bia chôn ở Đền ấy, thì đã xảy ra vào năm 774. Nhưng không phải linh của Thái-tử « Bà quốc » như các cụ ta kể mà lại là người Chà-và. Vào hồi ấy xứ Đàng dương bị Chà-và mấy lần đến cướp phá. Chính nước ta, đương nội-thuộc Tàu (Trận Nam đô hộ phủ), cũng bị quân Chà-và đến đánh năm 167. Rồi đến năm 774 thì nước Chiêm thành, lại bị Chà và đến tàn phá, lấy vàng, bạc, châu báu và « mặt của thần Civa » (đó là cái bọc bằng vàng trùm trên thần tượng hình dương vật : linga) rồi thiêu ngay cả Đền thờ. Được tin ấy, Chiêm vương Cri Satyavarman đem binh thuyền đuổi theo đánh tan quân địch, cầu địch chìm.

Vậy thì chuyện quân cường bạo phạm vào tượng Bà là một chuyện lịch sử. Ta có thể dựa vào đó mà cho rằng bà Thien Y A Na đã xuất hiện ra ở nước Chiêm thành, không sau lam trước năm 774 chăng ?

HỘP THƯ

Ô. Phạm Quang-Hợp, Bắc-ninh.— Thơ khá lắm. Cố lên. Tiếc vì một ẽ riêng không đăng được. H B.

TIỂU THUYẾT LỊCH-SỬ

CHÁY CUNG CHƯƠNG VÕ

Số 9

CHU-THIÊN

Sáng hôm sau, một toán vệ-binh ngoài hai chục người mặc áo đỏ, đội nón dấu, thắt đai xanh, vác kiếm, đi thẳng hàng chữ nhất, hùng-dũng tiến vào trước sân Họa-đăng-các rước ba vị sứ-giả sang cung Chương-võ, nơi Nguyễn-Nộn ở. Ba vị sứ thần được tin báo, đã ăn mặc gọn ghẽ, xuống đợi ở hiên. Toán vệ-binh đến, một loạt giơ kiếm chào. Ba vị đều cúi đầu đáp lại, rồi theo lời mời của viên vệ-úy, ba người thong-thả bước ra theo sau năm tên binh đi tiên-phong dẫn đạo. Mỗi vị sứ thần lại có một cái lọng đi kèm. Toán người ấy đi rất nghiêm-trang thong thả qua sân điện Hiền-chính vòng qua một cái hồ băn-nguyệt gọi là hồ Thiên-tỉnh, qua vườn Thượng-uyển, đầy hoa thơm cỏ lạ, vào đến cổng cung Chương-võ.

Cung này làm sơ-sài nhưng rất mực kiên cố. Ở ngoài bao vây một bức tường gạch dày và cao tám thước, bên trong tường là một cái hào sâu. Cổng cung là một cái chòi cao hai tầng, trên có treo chuông trống, một người lính túc-vệ ngồi canh trên ấy trông nhìn ra bốn phía. Qua cổng cung, tức thời ba tiếng chuông và ba tiếng trống nhịp nhàng nhau nổi lên báo có quý-khách vào. Qua một cái sân rộng thênh-thang lát gạch vuông, vào đến cửa cung, ba vị sứ giả phải cúi đầu đáp lễ một dãy các quan đại thần đứng làm hai hàng bên tả bên hữu vái chào. Một vị quan dẫn ba người bước ba bậc lên cung.

Trong cung không có gì là đẹp, còn kém điện Hiền-chính xa. Ở ngoài trông đại thể thì cái cung này chỉ là một tòa nhà ngói có ba lớp mà vào trong thì cái vẻ sơ-sài lại càng rõ-rệt: cột gỗ lim, sà, hoành, rui bằng gỗ tạp, không chạm trổ gì cả, chỉ quý hồ ngay thẳng và chắc-chắn thôi. Cách bài trí cũng chẳng có gì là lịch-sự. Chỉ có mấy giá binh khí bày rất đăng-đối nhau, phô màu son lưỡi thép sáng lòe rực rỡ, làm tăng vẻ trong cung của một vị đế-vương hùng-dũng. Vậy mà vị chúa-tể cái vùng giang-sơn ấy không muốn trang-hoàng tô-điểm hoặc sửa chữa thêm gì nữa, ngài muốn giữ nguyên như vậy. Có muốn khoe khoang cái vẻ giàu-thịnh mạnh-mẽ của mình, ngài làm ra điện khác để thiết triều để họp bàn các quan để tiếp các vị anh hùng thiên hạ. Còn ở đây, từ thuở nào đến giờ vẫn vậy, ngài không muốn thay-đổi cái công-trình đầu tiên của mình từ khi còn hùng-cứ một mảnh đất-đai để chống lại với Trần Tự-Khánh. Ngài làm như thế càng tỏ được lòng thủy-chung như nhất và giữ được cái tính tiết-kiệm. Nay tiếp bọn sứ-giả miền đông ở ngay cái cung này, ngài cốt ý để cho họ biết tính suềnh-soàng không ham ợi lộc của ngài, và nhất là để tỏ tình thân mật trọng-vọng họ, nên mới đối với họ như người nhà vậy.

Cũng bởi lẽ thế, nên ba người vừa bước lên đến thềm cung, ngài đã đứng ở cửa tươi cười cúi đầu chào. Ba người chực quỳ thi-lễ, ngài đã vội-vàng ra vỗ vai Đoàn-Văn, và gạt đi, niềm-nở nói:

— Ta với Đông-hải vương, tuy ngoài là hai bên biệt lập, nhưng trong vẫn là anh em. Vậy các người bất tất quá giữ lễ, ta nên đối với nhau thành thật và thân

Giữa Décembre này sẽ có:

TRĂNG NƯỚC

của THAO THAO

TRĂNG NƯỚC là một quyển sách bàn về nghệ thuật làm *thơ 8 chữ* và *thơ 1 câu*. Có nhiều bài và nhiều câu trọn lọc rất kỹ càng.

Tất cả đều *mãn mắc ý thơ, có sức hấp dẫn* người đọc đến 1 vùng trăng nước bao la...

Chỉ in có 400 quyển bằng giấy tốt Blanc Art khổ lớn mỗi quyển 2$50 và 30 quyển bằng giấy Gió Lụa có chữ ký của tác giả, mỗi quyển 10$.

Ai muốn có sách nên đặt tiền trước Mandat gửi cho ô. *Cao Bá Thạo biên tập viên Tin Mới Hanoi - Quốc Học thư xã tổng phát hành.*

mặt như người nhà là hơn.

Vua Chương-võ ngừng lại, mời ba người vào gian giữa, chỉ ghế cho họ ngồi, rồi ngài cũng ngồi xuống một cái long-kỷ cao hơn ở chính giữa.

(*Còn nữa*)

CHU-THIÊN

Một vấn-đề rất đáng chú-ý...

(*Tiếp theo trang 3*)

« Cha nên có tật giật mình,
Vua Trang từ đó tỉnh-tình giấc đời ».

Rồi Trang-vương ban chỉ: đi Hương sơn để hoàn nguyện.

Khi đến Hương-sơn, vua và hậu biết rõ chúa Ba đã làm phép lạ, đem tay mắt cứu cha, thì cảm động khôn xiết, liền nghe lời chúa khuyên, dốc lòng tu-hành.

« Lòng ngay cảm-động mẹ cha,
Giang sơn phó mặc người ta lũ hèn.
Chiếu vua nhượng vị ban liền,
Trong Triều văn vũ đôi bên vâng lời... »

Kết cục chúa Ba điểm hóa và độ được hai thân, hai chị, hai phò (hai anh rể), ba vị đại thần, Thiện-Tài, Long-nữ, Thanh sư, Bạch tượng và 500 tăng chúng ở chùa Bạch-tước. Ấy còn chưa kể những kẻ tội-tình ở mười từng địa-ngục cũng đều được độ. Thật là phúc đẳng hà sa.

Nhân truyện đó, ta được biết thêm rằng trong chùa Hương có đắp voi trắng (bạch tượng) và sư-tử xanh (thanh sư) là căn-cứ vào điển-tích này. Vì cả nhà chúa Ba đều được phong:

Diệu-Thiện (chúa Ba) = Quan thế-âm,
Diệu-Âm = Văn-Thù (được dùng sư tử xanh),
Diệu-Nguyên = Phổ-Hiền (được dùng voi trắng)
Trang-vương = Thiện-Thắng
Bá-Nha = Vạn-Thiện,

Thiện-Tài và Long nữ được sắc cho làm Kim-đồng, ngọc nữ, đứng ở đôi bên.

(*Còn nữa*)

HOA BẰNG

ĐẢ ĐỘNG THÀNH BỘ:

Việt-Nam dược-học

của ông Phó đức-Thành trong bộ biên tập hội Y-Học Trung-Kỳ soạn

Ông Phó đức-Thành, quản lý vĩnh-viễn hội Y-Học Trung-kỳ, là một nhà chuyên khảo cứu về thuốc Nam đã mấy chục năm nay, có lẽ đồng bào ta không mấy người là không biết tiếng.

Nay ông đem những sự kinh nghiệm viết ra bộ

Việt-Nam dược-học

này thật là một sự ích lợi cho quốc-dân ta không phải là nhỏ vậy, nhất là lúc đương khan thuốc như lúc này.

Sách soạn theo phương pháp thực-hành để phòng khi cấp cứu ai coi đó cũng có thể chữa được. Vả lại những cây mà ông nghiên cứu toàn là những cây mà ta thường thấy giống ở chung quanh mình ta cả.

Thật là một bộ sách cần thiết cho

mọi người và mọi gia-đình

Mỗi bộ... 6 $ 00 thêm cước gửi... 0 $ 60
Mua lính hóa giao ngân hết... 7 $ 00
Thư và mandat mua sách xin gửi về cho:

Nhà in Mai-Lĩnh Hanoi

MỘT BỘ SÁCH:

Cổ nhất Đông-Phương!
lạ nhất nhân - loại!

Nguồn gốc chỉ là một cái gạch ngang, rồi qua tay 4 vị Thánh nhân, cái gạch ngang ấy diễn thành một pho sách cực kỳ hùng-vĩ. Đó là bộ:

KINH DỊCH

mà người Việt-nam ta có lẽ không mấy người là không nghe thấy tên, nhưng chắc ít người biết rõ nội dung ra sao.

KINH DỊCH

là một bộ sách đã xuất-hiện trên một vạn năm, mà mấy trăm học-giả phương Đông theo gót nhau nghiên-cứu và chú-giải đến hai nghìn năm nay vẫn chưa hết nghĩa.

KINH DỊCH

thật là một pho sách uyên-thâm, huyền-diệu, bao quát tất cả các lẽ trong vũ-trụ.

Các bài thơ và kinh có in nguyên văn chữ Hán

Toàn bộ gồm trên dưới 2000 trang
in luôn một lúc đóng làm 5 quyển

Sách đã bắt đầu in nhưng không bán lẻ từng cuốn

Sách in làm 3 hạng:

Hạng giấy thường	sẽ bán từ	20$00
Hạng lụa Đô	(đựng hộp học lụa)	50. 0
Hạng Bạch Minh châu	(đựng hộp gấm)	150.00

+ thêm cước gửi ngoài

Thư và ngân phiếu xin gửi về

Nhà in MAI-LĨNH Hanoi

ĐÃ XUẤT BẢN

Một giai-phẩm của thư-xã ALEXANDRE DE RHODES

TRUYỆN TRẺ-CON *của* **PERRAULT**

Pháp-văn và Việt-văn đối-chiếu bản dịch của ông NGUYỄN-VĂN-VĨNH bìa 4 màu của họa-sĩ MẠNH-QUỲNH 140 trang khổ lớn album 22×32 toàn tranh ảnh

... hơn 300 năm nay, những chuyện thần-tiên bất-hủ như : « *con Lọ-Lem, con yêu Râu-Xanh, thằng bé Tí-Hon, Hoàng-tử có bờm* » v. v... đã làm vui buồn mừng giận bao nhiêu trẻ em trên thế-giới.

Thư-xp Alexandre de Rhodes, đã cho in lại bản dịch tuyệt-khéo của ông NG :-VĂN-VĨNH, kèm thêm nguyên-văn là một áng văn trong-trẻo kiệt-tác nhất nước Pháp.

Bản thường	2$50	(cước 0$60)
Bản giấy Đại-La	12$00	(— 1,20)

Tổng phát hành
MAI-LĨNH
21, Rue des Pipes — Hanoi

Sách của

Nhật-Nham TRỊNH-NHƯ-TẤU

I — Đã xuất-bản :

A) Đã được Hội-Đồng duyệt sách cho dùng trong các Học-Đường Đông Pháp :

1) Trịnh-gia Chính Phả (in lần thứ hai)
2) Hưng yên địa-chí
3) Gương Luân-Lý
4) Bắc giang địa-chí dầy 284 trang, có bản đồ phụ đính — *Giá cũ 1$50*

B) 5) Vị tiền — *hết*
6) Hoa xưa ong cũ — *Giá cũ 0$30*
7) Từ Hanoi đến Hồ Ba Bể (du-ký) — *2$00*

« Hồ này từ đời Lê, đời Mạc tới nay, có bao « nhiêu anh-hùng lưu dấu vết, có bao nhiêu danh-« sĩ đăng-lâm, mà có du-ký như ông quý mới thấy « là một ! Ông chẳng những chép phong cảnh và « lịch-sử Ba Hồ, mà lại kể cả cuộc hành-trình, « đi đến đâu cũng để mắt quan-sát : nào là nhân-« tình phong-tục, nào là công cuộc mở mang của « đời xưa và hiện-thời, thực có ích cho nhà khảo-« cứu, có thể làm kim chỉ-nam dẫn lối cho nhà « du lịch sau này. »

« Du-ký này có giá-trị lắm thay ! »

Trích bài tựa của cụ Phó-bảng Nông-sơn Nguyễn-can-Mộng

II — Sắp xuất-bản :

Uyên-Hải Tử-Bình ; — Ngàn Treo Đanh (huyền Đình Sơn) ; — Bắc-ninh địa-chí.

Xin viết thơ cho :
Nhật-nham Trịnh-như-Tấu, Tham-tá phủ Thống-sứ Bắc-kỳ
hay Biên-tập-viên Tạp-chí Tri-Tân
95-97 Rue Chanceaulme hanoi

HÃY ĐÓN COI :

QUANG-TRUNG

của HOA-BẰNG

— Nước Pháp có **Nã-phá-Luân** đã từng làm run động hoàn cầu trong một thời.

— Nước ta cũng có vua **Quang Trung** đã sống những giờ oanh liệt mà làm rạng vẻ non sông đất Việt.

— Chúng ta là người Việt-nam, vậy chúng ta cần phải đọc lịch sử bực đại anh hùng đó để ôn lại những hành vi xuất chúng của ngài.

— Cuốn lịch sử ký sự **Quang-Trung** của *Hoa-Bằng* viết rất công phu. Ngoài những tài liệu thu nhặt trong các sách nho và sách pháp, có ấn và tiền về thời vua Quang-Trung và có cả hai bản đồ vẽ rõ chiến lược của ngài.

— Sách in có hạn. Các bạn đọc muốn mua xin viết thư nhận trước.

TỦ SÁCH « TÂN VĂN HÓA »
HÀN THUYÊN XUẤT BẢN

mới có bán :

Thân thế và sự nghiệp
LÊ THÁNH TÔN
CHU THIÊN khảo cứu

Đời vua Lê Thánh Tôn là một đời thịnh-trị vào bậc nhất trong lịch sử nước Việt-nam ta. Ai muốn biết nội dung bộ Luật Hồng Đức, sự tổ chức viên hàn lâm TAO ĐÀN do Lê Thánh-Tôn sáng lập và chủ tịch, ảnh hưởng của đời ấy đến tâm hồn Việt-nam — không thể bỏ qua được quyển sách này.

Giá 3$00

ĐÃ XUẤT BẢN

LUẬN LÝ THỰC NGHIỆP
của LÊ VĂN-SIÊU

TRIẾT HỌC LÀ GÌ ?
của NGHIÊM-TỬ

HÀN THUYÊN : *71 Tien tsin Hanoi*

REVUE TRI-TAN: Autorisée par arrêté du 8 Février 1941 de M. Le Gouverneur Général

Directeur gérant : Nguyễn-Tường-Phượng — Imp. Tri-Tân 95—97 Chanceaulme, Hanoi